Năm thứ nhất.— Số 18 Thứ sáu, 10 Octobre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Những nhà lao của Huế ngày xưa — *Mộng-Thạch*

Nghiên-cứu và bình-luận về thể thơ tự-do (II) — *Lê-Thanh*

Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris (II) — *An-sơn-Tử*

Mỏ Trạng — *Nhật-Nham*

Võ-di-Nguỵ — *Nguyễn-Triệu*

Một bà trái đời : lúc quá lắm điều, lúc quá chín nục — *Mạnh-Phan*

Thời-đàm — *Nhật-Nham*

Tiểu thuyết « Bà Quận-Mỹ » (đăng trọn) — *Chu-Thiên*

Bây giờ nếu làm các sách chuyên khoa, Việt ngữ phỏng đã đủ chữ đủ tiếng chưa ? — *Hoa-Bằng*

Việt-nam văn-học sử (VIII) — *H. B.*

và nhiều bài khác nữa

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 — 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50

Các công sở : giá gấp đôi — **Mỗi số 15 xu**

TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Bây giờ nếu làm các sách chuyên khoa, *việt-ngữ phỏng đã đủ chữ, đủ tiếng?*

CHẮC các bạn sẽ hỏi ngay câu ấy, khi nói đến vấn đề làm các sách chuyên khoa.

Thì, trong bài trước, tôi đã quả-quyết : « Việt-ngữ của ta ngày nay đã phong-phú rồi ! »

Đành rằng tiếng ta, xưa kia theo trình-độ của quốc-gia, chậm tiến và nghèo-nàn thật. Vả, nó vẫn chịu chung cái công-lệ : hễ nước nào chậm khai-thông, thì tiếng nước ấy chỉ nhiều về mặt cụ-thể, nhưng ít về mặt trừu-tượng.

Nhưng thời-gian đã « nuôi » tiếng ta ngày một dần lớn và ngày một thêm giàu.

Người minh đã thâu-thái, đang thâu-thái và còn cứ thâu-thái mãi *chữ hán, «chế hóa» nó, lợi dụng* nó làm thành những tiếng hán-việt để gây giàu cho cái kho ngôn-ngữ văn-tự *nước nhà. Cho nên,* về mặt trừu-tượng, nhờ sự «nhập-cảng» hán văn, tiếng ta cũng đã đủ dùng trong công việc diễn-tả ý-tình và phô-bày tư-tưởng.

Chứng cớ ấy ta đã thấy rõ trong những tác-phẩm bằng quốc-văn xuất-bản gần đây.

Gia-dĩ, từ ngày tiếp-xúc văn-hóa tây-âu, tiếng việt chịu ảnh-hưởng của văn pháp không phải ít: từ cú-pháp đến điện-văn, ta đã phỏng theo lối tây để làm cho câu văn của mình được sáng-sủa hơn, rõ ràng hơn, gẫy-gọn hơn và dễ hiểu hơn.

Chẳng những vậy, ta lại còn thâu-nhập cả tiếng pháp bằng cách « âm-độc » hoặc « huấn-độc » nữa.

Về loại « âm độc », ta thâu-thái chữ pháp cũng nhiều, chẳng hạn như :

Sà-phòng ô-tô, xi-nê, xiếc, bom...

Về loại « huấn độc », ta dùng tiếng việt mà chỉ-tỏ những sự-vật mới, như :

Xe lửa, xe hơi, máy bay, đèn điện, giây nói, tàu ngầm, súng sáu...

Thế đủ biết tiếng việt ngày nay không phải còn nghèo như trước nữa.

◆

Nhưng còn các danh-từ về các chuyên khoa, như toán-học, triết-học, y-học, luật-học, xã-hội-học, kinh-tế học v. v., ta trông vào đâu để cho đủ chữ, đủ tiếng bây giờ ?

Tất nhiên ta phải theo chung cái luật mượn tiếng ngoại-quốc mà không một nước nào trên *thế-giới này tránh được.*

Ngay như tiếng pháp, hồi thế-kỷ XVI, hãy còn khô-khan và nghèo-nàn, không đủ để phô-bày ý-tưởng, thế mà ngày nay tiếng pháp đã rất phong-phú về mọi phương-diện. Ấy chỉ vì người ta khéo biết mượn dùng các tiếng ngoại-quốc như la-tinh, hi-lạp và anh.

Tiếng tàu cũng vậy, từ khi đổi mới nó phải nhặt-lượm thêm tiếng ngoại-quốc, nhất là của Nhật, không biết bao nhiêu mà kể. Vì vậy, bây giờ sách tàu đã có nhiều loại về chuyên khoa rồi.

◆

Tiếng ta rất dễ hòa-hiệp với chữ hán và có nhiều cái phù-hợp với pháp-văn. Vậy ta nên cứ thâu thái chữ hán, lợi-dụng những tiếng hán-việt, ứng dụng các danh-từ mới về các chuyên khoa.

Lại có thể theo lối « âm-độc » mà dịch âm chữ pháp ra tiếng việt trong các chuyên khoa nếu gặp những trường-hợp mà tiếng hán-việt không đủ hoặc không tiện dùng. Cử lệ :

Về văn-học, có thể dịch *métaphore* là *ẩn-dụ, inversion* là *truyền vị, jeu de mot* là *lộng ngữ* ..

Về triết-học, có thể dịch *intuition* là *trực giác, raison* là *lý-trí, sensation* là *cảm-giác*...

Về kinh-tế-học : *trọng - thương kinh-tế* tức là *économie mercantile, đầu-cơ giá-trị* tức là *valeur spéculative, tiền-tư-bản* tức là *précapitaliste, cơ-kim* tức là *fonds*, v, v.

Khi thấy chữ hán nào nếu không tiện dùng thì ta cứ theo vần tây mà dịch âm ra, thí-dụ: *acide nitrique*, không cần gọi là *tiêu-toan*, mà có thể nói là «*át-xít nít-ri h*»; *soude caustique*, có thể dịch âm là « *xút cốt-tích* » mà không phải dùng chữ *a-tinh-nột*, cũng chẳng sao cả.

Lối dịch âm ấy, tức lối «âm độc», ta thấy hán-văn cũng thường dùng, *đặt-để* như *trust*, dịch là thác lạt tư, *utopie*, dịch là ô-thác-bang; *moderne* là *ma-đăng đơ*

●

Nếu nay ta chịu khó cùng nhau chia việc hoặc viết hoặc dịch các sách chuyên khoa thì việt-ngữ cũng có thể đủ dùng và được việc lắm. Song, trong công-việc « chế » tiếng để dùng này, tôi tưởng, sẽ phải đi theo hai đường như trên đã phác vạch :

1) Thâu-thái các danh-từ mới bằng chữ hán để ứng dùng trong các sách-vở hoặc dịch hoặc viết về các chuyên khoa

2) Dịch âm tiếng pháp để ứng-dụng trong những trường-hợp ta không đủ tiếng, hoặc không tiện dùng chữ hán, hoặc gặp phải tiếng hán-việt khó hiểu, khó nhớ hơn.

Làm được việc này tức là chúng ta vừa làm giàu thêm cho việt-ngữ, vừa thành-tựu được công-cuộc truyền-bá các chuyên-khoa bằng tiếng mẹ đẻ đây.

HOA-BẰNG

Những nhà lao của Huế thời xưa

MỘNG - THẠCH

NÓI đến các nhà lao của Huế thời xưa, ta không khỏi không rùng mình lúc nghĩ đến những cảnh-tượng thảm-khốc đã xảy ra ở đấy.

Trong số các nhà lao ấy, trước hết ta hãy kể ngục thất Khám-đường.

Giữa khoảng cửa Chánh-tây và cửa An-hòa, người ta thấy một vòng thành đổ nát. Ấy là di-tích của nhà lao giam những tội-nhân đã thành án xử tử mà ta gọi là Khám-đường. Ở đấy, tù-nhân chỉ đợi ngày bị xử tử hay để đợi y-nghị của vua.

Khám-đường dựng lên về triều Gia-long, vào khoảng 1804, và phế bỏ sau lúc kinh thành Huế thất thủ.

Khám-đường hình chữ nhật, có tường cao, hào rộng đầy nước và một hàng rào tre rất kiên-cố bao bọc. Ra vào chỉ có một cửa nhỏ ăn thông ra một chiếc cầu tre mảnh khảnh bắc ngang qua hào.

Ngày nay, hàng rào tre không còn nữa. Hoa súng, hoa sen mọc tràn lên trên mặt hào. Một con đường rộng đã thay cho chiếc cầu tre. Tường và cửa ra vào vẫn còn, song đã đổ nát.

Hồi xưa, qua khỏi cửa ra vào, ta thấy một gian nhà rộng lớn, chỗ ở của những người coi ngục.

Người ta giam các tù-nhân trong ba gian nhà dựng ở phía sau, dọc theo thành: nhà thứ nhất giam các quan to có tội; nhà thứ hai giam những tù-nhân có chút địa-vị trong dân-gian; nhà thứ ba chứa những tù-nhân cặn bã của xã-hội.

Mỗi nhà chia ra làm hai phòng, trên và dưới. Phòng trên cách đất độ hơn một thước tây, chỉ để một cửa ra vào.

Ban ngày, tù-nhân ở phòng dưới, nếu không có vài manh chiếu rách, thì tù phải nằm giữa đất.

Đêm đến, tù-nhân phải lên phòng trên, vài người lính lên theo với họ, xiềng họ lại, đóng chiếc cửa độc-nhất xong, leo xuống và cất chiếc thang đi. Theo đặc-ân của viên cai ngục, thường thường hai hạng tù trên được miễn xiềng xích và được ở lại phòng dưới, dầu phòng này thấp đến nỗi người ta không đứng thẳng người được. Ở đấy ta vẫn thấy dễ chịu hơn tầng trên, tầng này đã thiếu ánh sáng lại thiếu cả không khí nữa.

Tất cả những gian nhà ấy đều không có chút vệ-sinh: về mùa mưa, nước chảy vào ướt át, lầy lội, bùn ở chân những tù-nhân chảy quằn quèo trên các cột và có khi giỏ xuống đầu các lính canh nữa. Về mùa hạ, ở đấy người ta có cảm-tưởng như ở trong một lò than đỏ rực.

Lúc ngủ, vì người thì nhiều, chỗ lại hẹp, nên các tù-nhân phải nằm chồng chất lên nhau.

Trách-nhiệm những người coi ngục và những lính canh rất nặng nề: nếu có một người tù vượt ngục, tất cả các lính canh gác phải tội thay tù-nhân. Vì vậy nên những lính canh họ giữ gìn cẩn thận lắm: mỗi ngày ba lần, họ đếm đi đếm lại số người bị giam.

Mỗi ngày hai lần, một toán lính dẫn các tù-nhân ra những ao dầm quanh đấy để họ đi đại tiện — vì không có nhà xí nào cả, — và lúc về họ phải lấy đủ nước ở gần đấy để dùng.

Đêm đến, người ta tăng số lính canh lên rất nhiều. Họ chia ra làm hai toán: một toán ở trong thành, một toán ở ngoài. Đây đó, vài bó đuốc lập lòe như bóng ma. Lẫn với những tiếng mõ, những tiếng hú vang lên từng hồi, — tiếng lính gọi nhau, — văng vẳng trong đêm khuya như tiếng các oan hồn đòi đền máu!

◆

Trông cách sinh sống của các tù-nhân ở Khám-đường, người ta có cảm-tưởng rằng tất cả sự cơ cực trên đời đều họp lại ở đấy.

Mỗi tháng, mỗi tù-nhân được Nhà-nước cho 20 bát gạo, thứ hầm nhất. Còn chiếu chăn, áo quần, nồi niêu, các tù-nhân phải sắm lấy. Nếu ai không có bạn bè thân thích cho những đồ cần dùng ấy và cho thêm gạo, thì chỉ có nằm chết đói, chết rét, chẳng ai đoái-hoài đến!

Khổ nhất là các tù-nhân ở gian nhà thứ ba: thân mình trần-truồng, chân tay bị xiềng xích, họ nằm lá người ở dưới đất như những con vật bị chọc tiết, chỉ đợi hắt ra hơi thở cuối cùng. Người nào còn có chút sinh-lực thì chỉ kêu « đói », tiếng kêu tắt ở cuống họng. Trong mỗi tháng, có hàng bốn mươi người chết vì đói rét.

Trước cảnh thương tâm ấy, ai có chút lòng nhân mà giữ khỏi động tâm?

◆

Sau Khám-đường, ta hãy kể đến Trấn-phủ.

Khám-đường giam những người đã thành-án, Trấn-phủ chỉ là chỗ tạm-giam những kẻ có tội đợi bộ Hình xét-xử.

Đầu tiên, nhà lao Trấn-phủ

làm ở góc phía đông-nam kinh-thành, trong cửa Đông-ba, gần nhà « Thương nhỏ » bây giờ.

Hồi ấy, Trấn-phủ là một vòng thành cao bình chữ nhật, ở giữa có một cửa ra vào, phía sau thành có một cái hồ (hồ ấy ngày nay vẫn còn và gần đấy ta còn thấy những mảnh gạch vụn, di-tích của những bức tường xưa)

Chính giữa vòng thành, ta thấy dựng lên một cái nhà to; chia làm ba gian mỗi gian chia làm hai phòng: phòng phía trước rộng-rãi và thoáng-khí hơn để cho những người coi ngục ở phòng sau tối-tăm, bẩn-thỉu, mới là nhà lao chính-thức.

Ở Khám-đường, như trên đã nói, các tội-nhân được nhà nước cho ăn. Ở Trấn-Phủ, trái lại, mỗi ngày phải sắm lấy thức ăn. Nếu không có người quen thuộc ở gần đấy cung-cấp các thức ăn cho, họ phải đem theo bạc tiền, hay đem theo một người thân-thích để săn-sóc họ. Người nào chỉ một thân trơ-trọi thì phải đi rửa gầm nồi của người khác để cạo cơm cháy mà ăn.

Lại thêm những người coi ngục không chút lòng nhân-đạo, kiếm đủ cách bóc-lột các tội-nhân! Họ thấy ở trong người tội-nhân cái gì là họ lấy hết. Thoạt mới vào ngưỡng cửa nhà lao, các tội-nhân đã phải dâng biếu cho các ông cai ngục nào bạc, nào cau trầu, và cả một vò rượu nữa. Người nào không tuân theo « luật » ấy, thì không những bị gông xiềng mà thôi, lại còn bị hạch-xách, hành-hạ đủ điều nữa.

Ta phải xét qua xem các người bị giam ở Trấn-phủ phạm những tội gì?

Cũng có kẻ trộm, cướp, giết người, song cũng có kẻ hoàn-toàn vô-tội. Những kẻ sau này thường trước ở Nội-cung, vì vô-ý làm vỡ một chiếc độc-bình, nói nhầm một tiếng húy của nhà vua, hay bước qua một ngưỡng cửa đã có lệnh cấm đặt chân vào.

Giống như ở Khám-đường, ở Trấn-phủ cũng có giam những ông cố-đạo tây-phương, phần nhiều những ông bị giam ở Khám-đường đã kể trên đều đã vào nhà lao Trấn-phủ cả.

Đến năm Thành-thái nguyên niên (1889), nhà tạm giam Trấn-phủ không còn ở chỗ cũ nữa. vì đức Dục-đức, lúc vừa bị truất ngôi, liền bị giam-cầm ở đấy, khi vua Thành-thái lên kế-vị, ngài sai pha-hủy đi,

Phá-hủy xong, ngài sai dựng một nhà giam khác nhỏ hơn thay vào, cũng lấy tên là Trấn-phủ, song làm xa chỗ cũ độ vài trăm thước, chừng trước mặt nhà « thương nhỏ » bây giờ.

Đến năm 1904, một trận bão to phá đổ cả tường lẫn nhà cửa tạm-giam thứ hai này, và từ đấy, Trấn-phủ bị bỏ phế đến bây giờ.

●

Ngoài Khám-đường và Trấn-phủ ra, ta hãy kể thêm nhà lao Thừa-phủ nữa. Ở đấy, người ta giam những tội-nhân thuộc quyền phủ Thừa-thiên xét xử. Từ chiều Gia-long đến cuối năm 1885, phủ Thừa-thiên dựng gần cửa Kẻ-trài, cạnh đồn Mang-cá bây giờ.

●

Nói về những nhà lao của Huế thời xưa, tôi tưởng cũng đáng nên nói qua chút ít về hài-cốt của mấy anh em Tây-sơn ở Khám-đường:

Mùa đông năm Nhâm tuất (1802) đức Nguyễn-Ánh lên ngôi hoàng-đế, lấy niên-hiệu là Gia-long. Nhân dịp ấy, ngài làm một lễ rất long-rọng để siêu-độ vong hồn các tướng-sĩ đã vì ngài bỏ thân ngoài trận địa, gọi là lễ « Hiến-phu ».

Hành lễ xong, ngài sai quật mả anh em Tây-sơn lên, đem hài cốt đã nhỏ ra và thả bay theo gió chỉ trừ những chiếc sọ thôi. Người ta đem những sọ ấy vào Ngục-thất (đến năm Minh-mạng thứ 6, Ngục thất đổi ra Khám-đường) bỏ vào trong những chiếc ghè.

Xem tiếp trang 23

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0p 20 cước thường 0p 06 gửi bằng tem (tỏ) cũng được cho hiệu
ĐÔNG-TÂY
195, phố hàng Bông Hanoi

Nghiên - cứu và bình-luận về thể

THƠ TỰ-DO

Số 2
Lê Thanh

Vì vậy người ta không sáng tác được thể thơ giải-phóng.

Vì vậy biến-thể của thơ cũ mà ta cho là phải tự nhiên mà có cũng không có nữa.

Và tôi đã nghiên-cứu nguồn-gốc của thơ mới bằng cách đặt một *giả-thuyết*; giả-thuyết ấy sẽ hoàn-toàn và mãi mãi là một giả-thuyết.

Phải chờ những cơ-hội khác, thơ giải-phóng mới ra đời được.

Gốc của thơ mới

Từ khi thơ mới xuất-hiện trong làng văn ta, người ta đã bàn tán nhiều lắm về gốc thơ mới. Theo phái này, thì người làm thơ mới đầu-tiên là ông Nguyễn-văn-Vĩnh với bài dịch thơ ngụ - ngôn La Fontaine.

« *Con ve sầu, kêu ve ve*
« *Xuốt mùa hè ;*
« *Đến kỳ gió bấc thổi,*
« *Nguồn-cơn thật bối rối . . .*

Phái khác bảo « ông tổ » của thơ mới là thi-sĩ Tản-đà, tác-giả bài :

« *Non xanh xanh, nước xanh xanh,*
« *Nước non như vẽ bức tranh tinh*
« *Non nước tan tành . . .* »

Có người lại cho rằng từ trước năm 1930, một sinh-viên trường Cao-đẳng ở Hanoi đã làm một bài thơ phỏng theo thơ Pháp Bài thơ ấy ra đời bị báo Nam-phong bóp chết ngay. Rồi cách đây mấy năm, ý-kiến làm thơ ta theo thể thơ Pháp lại được một bực đàn anh trong làng văn đem ra thực hành. Ông Phan - Khôi với bài *Tình-già :*

« *Hai mươi bốn năm xưa, một đêm*
vừa gió lại vừa mưa,
« *Dưới ngọn đèn mờ, trong gian*
nhà nhỏ, hai cái đầu xanh
kề nhau than-thở :
« *Ôi đôi ta, tình thương nhau thì*
vẫn nặng mà lấy nhau
hẳn thì không đăng,
« *Để đến nỗi tình trước phụ sau,*
chi cho bằng sớm liệu
mà buông nhau.

Có người lại nhất-định bảo thơ mà chúng ta cho là « mới » chỉ là một thứ thơ cổ, cổ lắm : *Từ khúc.* Người ta bảo nếu đem bài sau này ký tên một nhà thơ mới, rồi đem đăng lên báo, nói là thơ mới đây, thì ai cũng phải cho là thơ mới. Sự thực nó chỉ là một bài từ-khúc trích trong báo Hữu-thanh xuất bản từ hơn 15 năm trước :

« *Lá liễu xanh*
« *Hoa hồng đỏ*
« *Trăng rạng tỏ*
« *Thấp thoáng trong màn ai to nhỏ.*
« *Ai to nhỏ ?*
« *Vườn xuân cỏ bầy tươi tốt,*
« *Thơ xuân đằm ấm dương hòa,*
« *Dan-díu cùng ai lời thề-thốt,*
« *Khi chơi hoa . . .* »

Tôi bác bẩn ý-kiến này, vì sao tôi sẽ nói sau. Tôi hãy tạm nói rằng dầu lòng tự-ái của chúng ta mạnh đến đâu ta cũng phải công-nhận rằng « Thơ tự do của chúng ta là thơ phỏng theo thể thơ Pháp; nó có giống *từ khúc*, giống bài *Non xanh xanh*, nhưng nó không phải là từ khúc, cũng không phải tự ai đã sáng-tạo ra nó.

Thơ Pháp : phần tiếng

Vì vậy, muốn đi sâu vào cuộc nghiên-cứu của chúng ta tôi cần phải nói đến thơ Pháp mà ta đã dùng làm kiểu-mẫu ấy.

Một câu thơ Pháp cũng như thơ Anh, Y, Đức . . . Có những *phần tiếng đọc được* gọi là « *chân* » thơ.

Từ trước đến nay, người ta vẫn tính một « phần tiếng » đọc được là một « chân ». Nếu như vậy người ta cứ việc đếm số « phần tiếng » đọc được ấy và người ta cứ nói rằng trong câu thơ này có bấy nhiêu « phần tiếng » đọc được cần gì phải đặt ra tiếng *chân* làm gì cho lôi-thôi. Đó là một lẽ, lẽ thứ hai là cách tính *chân* như trên không có gì là chuẩn-đích cả. Tiếng Pháp, cũng như tiếng ta, có nhiều tiếng người ta có thể tính là một *chân* hay hai *chân* cũng được.

Thí dụ về thơ, người ta có đặt ra một cái lệ : nếu trong một câu thơ tính thừa một *chân* thì có thể cắt một *chân* đi như tiếng *encore* chẳng hạn. Sao người ta không đặt cái lệ : nếu trong một câu thơ thiếu một *chân* thì có thể tách đôi một tiếng ra làm hai *chân*. Hoặc trái lại.

Những thí-dụ về thơ pháp các bạn có thể tìm thấy một cách dễ-dàng. Tôi nói thêm về thơ ta :

« *Thương nhau cởi áo cho nhau* » nếu ta đọc ;

« *Thương cởi áo cho nhau* ». nhạc-điệu câu thơ cũng không đổi mấy. Trong tiếng ta còn bao nhiêu tiếng như vậy : « thuần », « nhiên ».

Các bạn đã nhận thấy sự không chắc chắn của cách tính chân của thơ Pháp và ta từ trước đến nay, nó không đáng để cho ta chú ý đến thế mới phải.

Cái chân đáng kể trong câu thơ là « chân điệu ».

Chân điệu

(le pied rythmique)

Một chân điệu thơ là một hay nhiều tiếng (chân-tiếng) hợp lại ;

chân ấy có thể gây nên nhiều tiếng nhạc hợp với nhau để gây nên một điệu-nhạc. Thứ nhất là cần phải đủ nghĩa để người ta có thể ngừng đọc lại được. Tôi có thể vẽ những điệu ấy.

Vẽ ?

hoặc :

Tôi lấy một thí dụ :

Tiếng sóng đồ-sen từng hồi yên lặng (Thế-Lữ. Mấy vần thơ) ta hãy tưởng tượng một làn sóng đồ vào bờ rồi từ từ và lặng lẽ xa ra...

Một nhà thông thái Pháp, muốn khảo cứu về thơ, sáng chế ra một cái máy để chép lấy những điệu thơ. Hai cái ống cao-su để vào hai lỗ mũi, một cái ống nói để sát vào miệng. Ngâm một câu thơ hay, có âm điệu, ta thấy điệu ấy được vẽ trên mảnh giấy bằng một cái bút của máy. Đọc thơ của mỗi một người ta lại có một thứ đường (tức là điệu) có một đặc sắc riêng.

G.ở lại với chân về điệu của thơ, ta hãy phân tách :

Một câu thơ : một đan-vi thuần nhất.

« Đêm mờ mờ-khoảng không dan-mờ mờ

« Thuyền,lặng lờ như trôi trong giấc mơ. »

Thao-Thao

Ta có ở mỗi câu tám tiếng và ba chân. Mỗi chân có đủ nghĩa để người ta ngừng giọng lại một lát ngắn.

Một hay nhiều chân hợp lại thành một câu thơ.

Nhưng nếu chân thứ nhất đã đủ nghĩa thì sao không đặt thành một câu thơ :

« Đêm mờ mờ.

« Khoảng không đan mờ mờ.

« Thuyền lăng lờ

« Như trôi trong giấc mơ »

Đặt như vậy ta vẫn có 4 câu thơ tự do.

Trả lời câu này ta đã tìm ra một đặc sắc nó định nghĩa thơ tự-do một cách chắc chắn hơn.

Lấy thí dụ khác :

« Huyền-trân ơi !

« Xin mãi mãi chia phôi, »

(Huy-Thông)

Theo luật nào ta sếp những chân về âm điệu ấy. Nếu ta sếp :

« Huyền tran ơi, xin mãi mãi chia phôi, »

ta phải ngắt hơi thở từ đâu ?

Đây ta phải viện hai lẽ nữa, hai lẽ chính phân-biệt bản thơ đường, thơ cổ-thể với thơ tự-do.

Câu thơ phải là một *đan-vị thuần nhất*. Mà đặc-sắc là *ba duy-nhất : duy nhất về ý-nghĩa, duy-nhất về thị-giác, và duy nhất về nhạc-điệu.*

Từ trước, về thơ nào người ta cũng vẫn có những luật ấy nhưng sau dần dần cái luật duy nhất về âm điệu được người ta trú trong đến hơn. Trong một bài thơ người ta làm những câu có số tiếng nhất định, là để cho có *cái duy nhất về âm nhạc.*

Người ta còn nói đến nhiều duy-nhất khác nữa nhưng tóm lại chỉ ở trong ba duy nhất trên mà thôi.

Những câu thơ hoặc giải phóng có thể là những duy nhất ấy nhưng không phải câu nào cũng là những duy nhất ấy cả.

Thơ tự-do (1) thì trái lại.

Người còn nói rằng mỗi câu thơ tự do là một công trình sáng tác mà tài liệu là một ý thơ, và một mà thôi. Tôi không bàn thêm nữa vì sợ đi vào địa hạt của lý thuyết và chuyên môn.

Tôi hãy chỉ ở trong phạm vi trật hẹp của ba đặc sắc ấy. Mà tôi tưởng ba đặc sắc ấy cũng đã tạm đủ để phân biệt hai thể thơ rồi.

LÊ-THANH

(Còn một kỳ nữa)

(1) Về thơ tự do xin đọc cuốn : Nos premiers poètes de Vers libres của Dujardin và bài tựa tập « Premiers poèmes » của G. Kahn.

Giai-thoại trên đàn văn

Tặng ông bạn hai vợ

ÔNG Mạc-Đĩnh-Chi là người làng Lũng-động, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương, đỗ Trạng-nguyên, làm quan nhà Trần.

Nhân trong bạn đồng-liêu có một vị hai phòng mà nhà ở ngay cạnh nhà ông Trạng, nên thường ông được nghe bà cả bà hai ghen tuông, cãi cọ.

Một buổi tan triều, ông Mạc mới gọi ông bạn đồng-liêu kia và trao một đôi câu đối,nói mình mới nghĩ tặng để gián cửa buồng nhà bạn :

Câu đối như sau đây :

Đông đầu Hán-vương thắng, Tây đầu Hạng-vương thắng : quyền tại túc-hạ.

Chinh đông Tây-di oán, Chinh nam Bắc-địch oán: hà độc hậu dư.

Nghĩa là :

Sang đông Hán-vương được, sang tây Hạng-vương được: quyền ở dưới chân (theo nghĩa đen).

Đánh đông mọi Tây oán, đánh nam rợ Bắc oán, oán rằng sao đến ta sau.

Hai câu này rất hay vì dùng chữ 1 ền, vế trên lấy ở sách Hán Cao-tổ, vế dưới lấy ở kinh Thư : chuyện vua Võ là người nhân đức, đến chỗ này chỗ kia mong, dân những trách sao đến ta sau.

Câu đối này mà gián nhà ông hai vợ thì thật là hay, nhưng không biết vị quan kia có dám gián không ?

TIÊN-ĐÀM thuật

Nói qua về Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris

Tiếp theo và hết

AN-SƠN-TỬ

MỖI giáo-sư tượng-trưng một tài đặc-biệt. Giáo-sư Granet đã dày công nghiên-cứu về cổ học Đông-phương nên khi giảng về các giai-đoạn của văn-minh sử tàu, ông phân-biệt sách nào là chân, sách nào là ngụy, rõ-rệt và tài-tình lắm. Giáo-sư Duboscq đã lâu năm luyện tài ở đại-học Luật, nên giảng về các phong-trào mới và các nhân-vật mới ở chính giới tàu

Ông đã tỏ ra rất hùng-hồn mà vẫn phong-nhã. Giáo sư Laloy tài lại càng trội nữa vì, gồm cả điệu-bộ của nhà diễn-thuyết và tâm-hồn của nhà nghệ-sĩ, ông đã làm sống lại cả cái đẹp của Đông-phương khi giảng bài. Ôm riêng một thế giới giáo-sư Ying trình-bầy nghề thuốc trong các màu-sắc, thời tiết và cảnh vật của Á-châu qua nhận-thức khoa-học.

Cao-đẳng Hán-học viện không chú-ý về khoa-cử, nhưng sau mỗi khóa học cũng mở một kỳ thi cho những sinh-viên theo lớp dạy về văn-minh Trung-quốc của giáo-sư Granet. Bởi vậy đã có nhiều kỳ thi mà các sinh-viên thế-giới du-học ở Pháp từng được dự-thi và trúng tuyển.

Thư-viện của Cao-đẳng Hán-học viện

Thực ra, trước khi Cao-đẳng Hán-học viện thành lập ở Paris cũng đã nhiều trường dạy về Hán-văn. Chính trường Tiểu-học Pháp quốc (Collège de France) đã từng có giáo-sư học rất uyên-thâm, lừng danh thế-giới, giảng-dạy về Hán-học từ lâu.

Nhưng nghiên-cứu nhiều về Hán-học từ trước tới năm 1921 mới là công-việc của trường Đông-phương sinh-ngữ (Ecole de langues orientales vivantes). Vậy ta cũng nên biết rằng các ngành của Hán-học rất cao-rộng và một trường học nào khác có thể là nơi truyền-bá tinh-thần Đông phương — như Cao-đẳng Hán-học viện chẳng hạn — vẫn đương cần lắm. Điều này không ai chối-cãi được vì, bằng một tinh-thần khoa-học rất sâu-sắc, người Á-châu đương muốn nghiên-cứu tất cả những vấn-đề mới của Đông-phương như : nông-sản, khoáng-sản, hải-sản, lâm-sản, thương-mại, kỹ-nghệ, hỏa-xa, hàng-hải, tài-chính, lập-pháp...

Một thư-viện về Hán-học ra đời là được giờ sinh. Nhưng thư-viện ấy đã có ở Paris từ lâu rồi. Tới nay nó đã có tới ngót 10 vạn sách do các học-giả lão-thành, trư-danh của Pháp đã tìm và soạn ra trong ngót nửa thế-kỷ Nhưng số sách ấy, đối với các sinh-viên ở thế-giới đến nghiên-cứu ở Paris, chưa đủ làm no tinh-thần. Vì thế thư-viện của Cao-đẳng Hán-học viện cần mở ngay và sáp-nhập cả với thư-viện Hán-học cũ của Paris.

Như vậy thư-viện Hán-học ở Paris lại có dịp giàu thêm nhiều tác-phẩm mà trong số ấy đáng chú-ý nhất Tứ-khố toàn-thư. Bộ sách quí nhất, nhiều nhất và đắt nhất trong thế-giới này do Thống-lĩnh Từ thế-Xương tặng, chia ra làm bốn loại : Kinh, Sử, Tử, Tập. Mỗi loại đều để riêng ra nhiều ngăn và mỗi bản sách của một tác-giả nào cũng được chân-trọng đựng trong một hộp riêng. Cách xếp-đặt có thứ-tự như sau :

a) *Kinh* để 20 ngăn, 960 hộp, 5.482 cuốn, 363 604 tờ.

b) *Sử* để 32 ngăn 1.584 hộp, 9.476 cuốn, 697.287 tờ.

c) *Tử* để 22 ngăn, 1 584 hộp, 9.155 cuốn, 564 160 tờ.

d) *Tập* để 28 ngăn, 2.016 hộp, 12 262 cuốn, 665 856 tờ.

Cộng cả lại thì thấy :

Tứ khố toàn thư để 102 ngăn, 6 144 hộp, 36.375 cuốn và 2.290.907 tờ.

Và thấy :

Sách về loại *Kinh* gồm có : Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân-thu, Hiếu-kinh, Nhạc (1), Tứ thư, Ngũ kinh tổng nghĩa, Tiểu-học.

Sách về loại Sử gồm có : Chính sử Biên-niên, Kỷ-sự bản mạt, Biệt-sử, Tạp-sử, Chiếu-lệnh, Tấu-nghị, Truyện ký, Sử sao tái ký, Thời-bình, Địa lý, Chức-quan, Chính-thư mục-lục, Sử-bình.

Sách về loại *Tử* gồm có : tất cả những sách của Nho-gia, Binh-gia, Pháp-gia, Nông-gia, Y-gia, Thích-gia, Đạo-gia, Tiểu-thuyết-gia, Tạp-gia và tất cả những sách về Thiên-văn, Toán-pháp, Thuật-số, Nghệ-thuật, Phổ-lục, Loại-thư.

Sách về loại *Tập* gồm có : Sở-từ, Biệt-tập, Tổng-tập, Thi-văn, Từ-khúc.

Cao-đẳng Hán-học viện và sự trợ-cấp của chính-phủ Trung-hoa dân-quốc

Theo nguyên-tắc khi mới lập Cao-đẳng Hán-học viện thì chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc hứa sẽ trợ-cấp mỗi năm 100 000 quan, ngang với số tiền trợ-cấp của chính-phủ Pháp.

Xét kỹ, số tiền 200.000 quan trợ-cấp của hai chính-phủ Pháp-Hoa cũng chỉ vừa đủ để thêm vào việc trùng-tu thư-viện và giúp đỡ ủy-ban quản trị của viện.

Đã vậy mà mấy năm sau chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc không trợ cấp nữa. Song viện cứ tiến lên.

Viện cứ tiến lên là nhờ ở tài bạt-thiệp của ông Painlevé. Với ông, biến-cố không bao giờ còn mãi vì ông chịu đem hết nghị-lực của con người ra làm việc cho quĩ của Cao-đẳng Hán-học viện được giàu thêm và, vững lòng, ông tin-tưởng một cách sâu xa rằng cái thời tốt-đẹp của viện sẽ còn tiến lên.

Thực vậy. Sự ngừng trợ-cấp chỉ do nơi tình-thế rối-ren của chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc. Năm ấy 1924, Thống-lĩnh Từ-thế-Xương từ chức đã lâu rồi. Ngừng trợ-cấp, bởi vậy, chỉ là hành động nhất thời vì chính-phủ ấy không khờ-khạo

(*Xem tiếp trang 20*)

MỎ TRẠNG

NƯỚC ta không phải là hiếm khoáng-chất! Tại các miền rừng núi ba kỳ, thường ẩn-tàng lắm mỏ kim-khí, có thể làm giàu cho công-khố. Thế mà xưa Triều-đình ta hình như không chú-trọng đến việc khai các mỏ; bao nhiêu quyền lợi đều do Hoa-kiều nắm hết.

Tại xã Na-lương thuộc Nhã-nam (Bắc-giang), gần sông Trạng, có mỏ vàng bạc tục gọi là Mỏ Trạng.

Hoa kiều trông khí núi buổi sáng và thử nước suối, biết trong lòng núi có mỏ vàng bạc, bèn xin phép quan ta khai cái mỏ ấy. Quan ta bắt nộp mỗi tháng một nén bạc, ngoài ra Hoa-kiều được tự do mộ phu, không phải một sự gì khó khăn nữa.

Một viên kỹ-sư tàu cùng vài khách-trú lên đóng tại mỏ Trạng, mộ phu trong làng, đặt các khí-cụ, rồi bắt đầu khởi công Quặng đào ở dưới đất lên, đều chất thành đống, để chờ phân chất. Người tàu làm lò, đốt bằng than củi, trong đặt năm nồi. Nồi đan bằng tre, trong, ngoài đều chát kín bằng đất tho chộn với lông vịt, vôi, do. Trên các nồi, lơ lửng, có một cây gỗ bịt sắt, buộc giây để người lôi vòng quanh trong nồi, quấy cho chất kim-khí tan ra. Hết nồi nọ qua nồi kia, đến nồi thứ năm, khách-trú mới dùng thuốc phân kim Rồi họ tắt lửa, để nguội. Đến đêm, họ mới hớt bã, bỏ ra ngoài. Còn vàng, bạc, họ lấy một cách rất kín đáo, không cho người mình trông thấy. Song một lượt, họ lại cho quặng vào nồi, rồi bắt đầu nấu lượt khác.

Họ cũng dùng cơ-khí, cho nên ở xa cũng nghe tiếng máy chạy ỳ-ầm. Trong mỗi nồi, đều có một chất hóa-học để phân chất.

Bã quặng rất nhiều, chất thành núi, ngày nay hãy còn di-tích.

Như vậy, đủ tỏ số vàng bạc của ta đổ vào túi chàng Ngô không phải là ít.

Thuế chỉ phải nộp mỗi tháng một nén bạc mà phu ta công mỗi ngày có 5 tiền. Mối lợi có một, không hai, để lọt ra ngoài, trong khi dân mình phải điêu-đứng với cuộc mưu-sinh, kể cũng đáng tiếc!

Thời ấy, có vị Tổng-đốc tục danh là Thượng Chuột (ngồi tại công đường, bao giờ cũng để trên bàn một bát nước và một bát thóc để cắn như chuột) cứ vài tháng lại lên thăm mỏ Trạng một lần. Chừng thấy công việc khai mỏ có vẻ phát đạt, nên ngài tăng số thuế khách-trú phải nộp lên mỗi tháng 100 nén.

Tục truyền: làng Quỳnh-động sở tại, bấy giờ, sản-xuất lắm gái đẹp Các quan lên thăm mỏ Trạng, thường nghỉ tại đấy, để ngắm hoa. Có ngài lại lấy tiểu thiếp làm chỗ đi về. Viên chánh tổng sở tại phải ứng tiếp khổ sở.

Sau khi khách-chú thôi khai mỏ Trạng, các quan cũng đình việc thăm mỏ, mà viên chanh tổng cũng được yên lòng.

NHẬT-NHAM

Tên các vị độc-giả đã trả tiền báo

(Tiếp theo kỳ trước)

Ô. Ng. văn-Lưu Mỹ-Trạch	2 p.	80
Nguyễn Vui —	2	80
Nhân Mỹ —	2	80
Lâm thái Côn —	2	80
Lê quang Huy —	2	80
Nguyễn Dung —	2	80
Phuc Toàn —	2	80
Ng. tân Sâm —	2	80
Ng tấn H êu —	1	50
Lê tú Oanh —	2	80
Mai đức Oanh —	2	80
Lê Bảo —	2	80
Trần v. Quảng —	2	80
Lê Khoan —	2	80
Lê van Đinh —	2	80
Nguyễn Trà —	2	80
Trương Song —	2	80
Lê khắc Thứ Minh lệ	2	80
Hoàng thúc Kinh —	2	80
Vinh Lợi —	2	80
Hưng Long —	2	80
Le Président de l'Enseignement mutuel Bađồn	5	50
An Long —	2	80
Hải Sinh —	2	80
Thuận Đức —	1	50
Hợp Lợi —	1	50
Hiệp Thành —	2	80
Vinh An —	1	50
Vinh tường Đường —	2	80
An Xương —	1	50
Nguyễn văn Lộc —	2	80
Nguyễn tấn Hà Tourane	5 p.	50
Đông Thành —	5	50
Hoàng thúc Hanh —	2	80
Tôn thất Tra Hoa vang	1	50
Huỳnh ngọc Thủ —	1	50
Ng. hữu Trung Chợ mới	1	50
Dương quang Thọ Quảng-nam	2	80
Trương ngọc Thi Tourane	1	50
Huỳnh Hòa —	1	50
Cong Phát —	1	50
Đỗ Lâm —	1	50
Huỳnh Nhâm —	1	50
Trần Sinh Đồng-hới	2	80
Trần phúc San —	2	80
Võ Đương Huế	2	80
Phạm phú Hàng —	2	80
Hiệp Hưng Tourane	1	50
Võ van Tiếu —	1	50
Hàn đức Văn —	1	50
Hoàng Trình Badon	1	50
Lai Thành Tourane	2	80

(Còn nữa)

Lại một ngày lịch - sử

Nhân ngày sinh-nhật vua Lê Thái-Tổ, bản-chí xin nhắc đến vài chuyện về thời Lê, để đánh dấu một ngày lịch-sử quan trọng.

Lượng khoan-hồng của Lê Thái - Tổ

Trong khi giao-chiến với quân Minh, tướng nhà Minh là Vương-Thông bị thua nhiều trận, phải mở cửa thành xin hàng.

Vì Vương-Thông làm nhiều điều tàn ác, tướng sĩ muốn xin nhà vua đem giết để báo thù. Vua Lê Thái-Tổ phán rằng: «*Phục thù báo oán là việc thường của người đời, nhưng bản tâm người có nhân không muốn giết người bao giờ. Vả người ta đã hàng mình mà giết đi thì không nên. Mình muốn hả cơn giận một lúc mà chịu tiếng để muôn đời giết kẻ đầu hàng, sao bằng để muôn vạn người sống mà khỏi được cái mối chiến-tranh về đời sau, tiếng thơm lưu ở sử sách* ».

Ngài đã không nỡ giết, lại còn cấp quân, thuyền, lương-thảo mà tha cho người Minh về nước.

Bà mẹ họ Đoàn

Đoàn Phát, là danh tướng của vua Lê Thái-Tổ, thờ mẹ rất hiếu. Phát trước kia làm quan nhà Hồ, sau bị Lê-Thiện dùng mưu đánh, bắt được ở đồn núi Tản-viên (Sơn-tây): Phát mới chịu về hàng vua Lê.

Khi ấy, Lê Thái-Tổ đang giao-chiến với tướng nhà Minh là Trương Phụ và Hoàng Phúc. Đoàn Phát theo giúp vua Lê, lập được nhiều chiến-công.

Tướng nhà Minh muốn dụ Phát về hàng, mới đem quân vào Thuận-lộc, bắt mẹ của Đoàn Phát đem về Đông-đô. Lê Thiện xem Thái-ất, biết như vậy, bèn sai Phát đem thủy quân phục ở cửa bể Thần-phù để đón mẹ.

Quả nhiên, quân Tàu bị quân phục đổ ra đánh và giết. Đoàn Phát phá cũi cứu mẹ ra, quỳ lạy, hỏi han, khóc lóc. Bà cụ chỉ cười ha hả mà bảo rằng: « *Ta chết cũng đáng đời rồi! Ta đây dù sống chết, kinh hãi mặc lòng, chẳng hề chột dạ, ta coi cái chết như không. Con, sao nhát quá lắm vậy? Trước kia, con thờ nhà Hồ, trong bụng ta vẫn không yên; nay con gặp được thánh-quân, ta rất mừng. Ta tưởng hôm nay được ra Đông-đô, mắng cho Trương Phụ, Hoàng Phúc một phen, rồi chết cũng sướng đời. Không ngờ con đem quân cứu về, bụng ta chưa được thỏa!* ».

Phát lạy tạ, đưa mẹ về Nghĩa-an, bệ kiến vua Lê.

Lê Thái-Tổ khen rằng: « *Lão-mẫu thực là trung-liệt, so với mẹ Vương-Lăng, Tử-Thứ khi xưa cũng không kém gì!* »

Quyết giết gian-thần

Ông Lê Tuấn-Mậu làm thượng-thư triều Lê, lúc thiếu-thời, rất chăm học, ăn rất khỏe và sức lực lại hơn người.

Ông vào chầu, thấy Mạc Đăng-Dung tuy chỉ là anh đô-vật xuất thân mà được vua yêu dùng, cho làm quan to, ông thường can ngăn rằng: « *Đăng-Dung xuất thân là kẻ hèn hạ mà cầm quyền lớn, tôi e có ngày sinh biến, xin bệ-hạ giữ mình chớ nên cho ở gần* »

Một ngày, vào buổi chầu, ông bảo Đăng-Dung rằng: « *Ngươi chớ cậy mình vật khỏe, đây ta không thèm thử sức với người đó thôi!* » Đăng-Dung tức lắm, xin phép vua cho vật với Tuấn-Mậu.

Vua vừa cho phép, ông liền hăng hái xin vàng ngay. Rồi bứt tóc, cởi áo ngoài ra, chỉ một keo là vật Đăng-Dung ngã quay xuống đất. Ông chẹn ngay vào cổ họng mà nói to lên rằng: « *Giết được thằng giặc này, sẽ tuyệt được cái họ về sau!* »

Vua thấy Đăng-Dung thế nguy quá, vội xuống ngai bắt ông phải buông tha ra. Ông lấy làm bực tức, cáo quan về nhà.

Về sau, quả nhiên Đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, muốn thu phục nhân-tâm, cho sứ-giả triệu ông ra làm quan. Ông giả vờ có tật thong-manh, sai người dắt vào Triều. Đăng-Dung mừng lắm. Ông nói vờ rằng mình thong-manh, xin phép đứng gần để chiêm cận long nhan. Khi đến trước mặt Đăng-Dung, ông nhổ vào mặt, trợn mắt, mà mắng rằng:

« *Thằng phản thần kia! Giết vua, cướp nước, dẫn đến chó lợn cũng không thèm ăn lộc của mày, nữa là tao đường đường một bậc tôi của nhà Lê đâu lại thèm làm bậc tôi mày!* »

Nói xong, ông đập đầu vào thềm đá mà chết.

Đăng-Dung thương là người trung-nghĩa, sai thảo sắc phong tặng, cho rước về làng. Tương truyền đi đến nửa đường, sét đánh cháy cả hòm sắc và sắc.

TIÊN-ĐÀM thuật

Sách mới

Bản chí mới tiếp được:

1°) Essai sur l'évolution de la langue annamite (Lược khảo về sự tiến hóa của Việt ngữ), tác giả ông Lê văn Nụu, học xá Qui nhơn xuất bản, có bức thơ đề tựa của quan Thượng thư bộ Giáo dục Phạm-Quỳnh. Giá tiền 8 quan.

2°) Suối đàu (truyện đường rừng) của ông Lan Khai do nhà in Cộng-Lực xuất bản. Giá 0 p, 50.

Xin cảm ơn hai nhà xuất bản và vui lòng giới thiệu với độc giả.

Giải thưởng GONCOURT

TRI-TÂN tạp chí mấy số đầu, bạn Nhân-Nghĩa đã nói tới giải-thưởng Nobel. Hôm nay tôi trình-bày cùng các bạn : giải-thưởng Goncourt.

Trong rừng sách pháp-văn hiện nay, ta nhận thấy có nhiều cuốn đề « được giải-thưởng Goncourt». Vậy thời cái nguyên-nhân nó ra sao ? Tôi xin thuật ra đây cái lịch-sử của giải thương ấy.

◆

Anh em De Goncourt giòng-giõi một gia-đình quý-phái. Ông thân-sinh ra De Goncourt làm đại-tá hồi Nã phá-Luân đại-đế còn đương trị-vì, và có đi theo đại-đế dự vào các cuộc chiến-tranh. Ông bị thương ở Ý. Sau khi trận Waterloo kết-liễu, ông liền về nghỉ ở Vosges, và mất ở đấy năm 1831.

Edmond de Goncourt sinh ngày 26 Mai 1822 tại Nancy. Em là Jules de Goncourt sinh ngày 17 Décembre 1830 tại Paris. Sau khi cha mất, Jules de Goncourt được mẹ đem lên Paris và ở luôn đấy trong khi Edmond còn là lưu-trú học-sinh tại trường Goubaux.

Edmond de Goncourt sau phải theo lời mẹ, vào làm một chức thư-ký trong bộ Tài-chính. Còn Jules de Goncourt thì học tại trường Trung-học Bourbon. Nhưng Jules vì yếu, không thể ở trong nhà trường được, bởi quy-củ nhà trường rất nghiêm ngặt. Jules theo đuổi văn-chương và mỹ-thuật. Ngoài giờ học, Jules chăm-chỉ viết bản kịch *Etienne Marcel* Trong giờ học ít khi Jules để ý tới lời giảng của thầy giáo. Chàng đem cuốn *Notre Dame de Paris* của Victor Hugo phỏng theo truyện mà vẽ từng cảnh.

Bà de Goncourt thấy con lười học, lấy làm lo lắng và hết sức kiềm-thúc Jules. Jules vốn là người thông-minh, nên chỉ cố gắng ít lâu, đã trúng tuyển nhiều kỳ thi lấy thưởng. Vừa khi ấy, bà mẹ vì lao tâm lao lực, phải bệnh mà mất (1848). Gặp cơn gia-biến, Edmond de Goncourt liền xin thôi trong bộ Tài-chính. Còn ít gia-tài, Edmond bàn với em đi du-lịch. Ngày 28 Décembre 1849, hai anh em tới Marseille, đáp tàu sang Algérie. Trong một cuốn nhật-ký của Jules, có một đoạn nói :

Trong thế-giới có hai nơi chính : Thành phố Paris là nơi ở của tất cả mọi người; mà Alger là nơi ở của những người yêu mỹ-thuật.

Xem thế đủ biết anh em de Goncourt là kẻ rất yêu mỹ-thuật. Tập nhật-ký của anh em de Goncourt là một áng văn kiệt-tác.

Sau mấy tháng ở Algérie, anh em de Goncourt trở về, trú ở nhà số 43 phố Saint Georges, đem các bức tranh đã vẽ phác khi còn ở Algérie về vẽ lại cho hoàn-toàn.

Năm 1850, hai anh em lại dời nước nhà sang Thụy-sĩ và Bỉ.

Đến cuối năm 1851, hai anh em đem xuất bản cuốn văn thứ nhất do hai người cùng soạn Ngày xuất bản 2 Décembre 1851 chẳng may lại nhằm vào ngày Nã-phá-Luân đại-đế tuyên-bố đạp đổ chính-thể dân-chủ để lập đế-nghiệp. Qua một cơn khó-khăn, cuốn *En 18* của anh em de Goncourt được ra đời.

Jules Janin, một nhà phê-bình trứ-danh, đã nói tới cuốn ấy. Tuy vậy vẫn còn lại một số rất nhiều không bán được.

Sau có người anh họ là de Willeneuve đứng lên chủ-trương tuần báo *Eclair*. Hai anh em Goncourt vào giúp việc.

Ngày 20 Octobre 1852. Willeneuve lại mở ra tờ báo lấy tên là *Paris*. Lần này, ngoài anh em Goncourt, còn có Alphonse Kan, Léon Galzan, Bainville. Nhưng sau bị ty kiểm-duyệt của Nã-phá-Luân bắt-buộc phải đình-bản.

Chán nghề viết báo, anh em de Goncourt quay về nghiên-cứu sử-học và chuyên nói về thế kỷ thứ 18 Trong khoảng từ năm 1854 đến 1862, họ viết ra cũng nhiều. Những sách về sử-học của Goncourt đều là những thiên kiệt-tác, kê-cứu rất phân-minh và nghị-luận rất xác đáng.

Sau mấy năm nghiên-cứu về sử học, anh em de Goncourt liền quay ra viết tiểu-thuyết. Những cuốn như *Charles Demailly*, *Renée Mauperin*, *Sœur Philomène*, *Germinie Lacerleuse* ngày nay ai cũng công nhận là những áng văn tuyệt diệu.

Vở kịch *Henriette Maréchal* đem diễn tại nhà Théâtre Français đêm 5 Décembre 1865 của hai anh em bị phản-đối.

Thất-vọng nhiều lần trên trường văn, Jules de Goncourt mắc bệnh, ngày 20 Juin 1870 tạ-thế.

Thương em, Edmond de Goncourt nghỉ viết 7 năm giời cho đến năm 1877 ông mới lại viết mấy cuốn rất có giá-trị.

Nhưng đến ngày 16 Juillet 1896, ông tạ thế và trong chúc-thư ông muốn đặt một viện Hàn-lâm lấy tên hai anh em ông : cứ hàng năm trích ra 5000 quan làm giải thưởng cho nhà văn nào soạn được một cuốn tiểu-thuyết hay nhất.

Do đó, ngày nay ta mới được thấy có những cuốn sách đề là *được giải thưởng Goncourt*.

NGUYỄN TỬ ANH thuật

MUỐN LÀM GIÀU

MUA VÉ SỐ

ĐÔNG PHÁP

1p.00 một vé

TÙY HỨNG

Chiều hôm

Mây hồng lơ lửng dỡn tràng-giang,
Ngắc ngoải tà-dương trong ráng máu.
Cành tre vắt vẻo đôi cò đậu :
Nhung trắng phau phau rọi ánh vàng.

Thánh thót, chuông chiều dỏ tiếng rơi.
Tản mác, hương thơm vương vít gió :
Lảo đảo, hồn mê ôm vũ-trụ,
Hồ nhị xa xăm thổn-thức dài...

Mái rạ im lìm, khói lắc lư,
Phất phơ ngọn cỏ, rung rinh lá.
Mõ chùa, cốc cốc, khua ròn rã :
Lâng lâng tâm-tri khoảng thanh hư...

MINH - TUYỀN

●

Một đêm thu

Trắng đục hồ sương nhuộm sắc thu,
Cây đen, đầu ngược, bóng lô-nhô...
Hơi đêm tản-mác trong mờ nhạt.
Hiu quạnh bên bờ vắng khách du !

Mây khom lòng chảo, trời sa nước,
Trăng vãi loăng quăng, ánh vụn vàng.
Mấy mảnh phù-vân ghen với khách,
Vội ôm chị Nguyệt, giấu hào - quang.

Sợ hơi thu nặng, đèn phong ánh ;
Ghét tục vô tình, nguyệt lần mây.
Đèn nhạt, trăng mờ, hồ kém sắc ;
Cài châu, mành liễu rủ như ngây.

Gội mưa, chòm cỏ chưa khô tóc ;
Với nước, cây bờ cúi nhấp-nhô.
Cầu tắm sạch lâng phô sắc thắm.
Trên cầu, ai đấy thả hồn thơ ?

SONG - CỐI

Đêm 19, Aout 1940

Đề tranh tháp Rùa ở hồ Gươm

Xa trông tháp cổ đứng trơ vơ,
Giữa nước hồ xanh sóng vật-vờ.
Mấy rặng cây cao phô lá biếc ;
Đôi hàng liễu mọn rủ cành tơ.

VÂN - THẠCH

●

Khúc nhạc thiên-nhiên

Đời ấm lắm ! Cuộc đua-chen đông quá !
Tự nghìn xưa sự sống vẫn là vui.
Đẫm trên đường đời, bước giữa hoa tươi,
Ai chẳng thấy nhịp lòng thao-thức sống.

Nên thiên-cổ đã bao hồn xúc-động,
Trước nhiệm-mầu của Tạo-hóa xa xôi.
Mong giúp vào xây-đắp mãi cho đời
Thêm tươi-đẹp như theo lòng Vũ-trụ...

Lý-tưởng cao xa, đời người không đủ,
Nên chết đi hồn vẫn nhớ, vẫn mong,
Vẫn thường về để giãi-tỏ nỗi lòng
Cùng trần-thế cho bớt niềm cô-quạnh.

Những đêm vắng dưới bầu trời cổ kính,
Lặng mà nghe ta sẽ thấy nhạc xưa
Phảng-phất mơ hồ, nhè-nhẹ xa đưa
Nỗi nhớ tiếc khi lìa đời ấm-cúng.

Thu nay lạnh, lòng ta đầy gió sóng,
Ta nhớ-nhung, mơ - mộng đến thời xưa...
Ta một mình ta lặng nhặt tiếng tơ,
Lời thiên - cổ của những hồn đồng điệu.

Ôi ! tiếng tơ đồng mênh-mang phiếu-diêu,
Trong không-gian dìu dặt khúc yêu-đương.
Nỗi niềm xưa giãi tỏ với đêm trường,
Tình nhân-loại não-nùng lên tiếng hát !

LETAO

(Trích trong cuốn Nhạc thiên nhiên)

TIẾT VI

TIẾNG NAM (1)

MỖI nước có riêng một thứ ngôn-ngữ, nên mỗi nước có riêng một thứ văn-tự.

Về vấn đề cội-gốc tiếng nam, trước giờ, nhiều nhà ngữ-học đã khảo-cứu.

Tiếng nam mượn dùng chữ hán rất nhiều, và có nhiều tiếng do âm chữ hán trật ra, chẳng hạn như :

Chữ hán	*Tiếng nam*
chủ	*chúa*
xa	*xe*
thâu	*thua*
lữ	*lửa*
lư	*lửa*
li	*lìa*
hợp	*họp*
bi	*bia*

Vì thế, nhiều nhà ngữ-học phương ay cho rằng cội rễ tiếng nam ra từ tiếng tàu : hoặc trực tiếp ra từ tiếng quảng-đông, hoặc trực-tiếp ra từ tiếng bắc-bình... Họ căn cứ ở một ít tiếng như «tim» với «sim», 沁 «vẩn» với «vện» 敘, và «vải» với «wai», 繡 v. v..

Trong cuốn *Les origines de la langue annamite*, tác-giả E. S. lại so sánh tiếng nam với tiếng mã-lai, tiếng dioi (2), tiếng tày, và thấy có nhiều tiếng giống nhau như :

Việt-nam	Dioi	Tày
cười	*kơi, kuoi*	*khay*
kim	*kim*	*khêm*
cái	*kai*	*ka*
ừ	*eu, ơ*	*ò*
hết	*het*	*hẹt*
chàm	*cham*	—
chuồn	*chuang*	—
ít	*it, et*	—

Hồi năm 1886, Kari-Himly, một nhà bác-học Đức, cho rằng tiếng an-nam có họ-hàng với tiếng môn. Môn là một xứ ở tây-bắc nước Xiêm, tên gọi Pégou

Ông Henri Maspero đoán rằng : Trong tiếng việt nam chắc có nhiều chữ gốc ở tiếng môn-mên (môn-khmer). Ông có so sánh hai đằng với nhau, thấy trong tiếng ta, những chữ thuộc về thiên-văn, địa-dư, nhân, vật, nhà cửa, nghề nghiệp và thảo mộc, v. v. đều giống về bề ngoài với tiếng môn-mên. Nhưng khi xét kỹ, ông H. Maspero lại nhận rằng, kỳ thực, tiếng nam không có gì giống với các tiếng môn-mên, vì âm-vận và cú-pháp của nó đều khác hẳn.

Khi sánh nó với tiếng thái, ông lại cho rằng bộ nào của tiếng nam cũng có pha ít nhiều chữ gốc ở tiếng thái (tiếng thổ, tiếng lào, tiếng xiêm, v. v.). Vả, cung-bực của tiếng ta lại giống hệt của tiếng thái từng cái chi-tiết, chứ không phải chỉ giống đại-cương thôi đâu. Đến cả thanh-âm tiếng ta cũng giống tiếng thái. Mà nhiều chữ ta cũng mượn của Thái nữa. Song ông H. Maspero kết-luận : Khó lòng dám đoán quyết tiếng an-nam là đồng tông, đồng loại với tiếng thái, vì hiện nay chưa nghiên-cứu được tường-tận các tiếng ở Tàu và ở Ấn-độ Chi-na.

Về phần tôi, tôi nhận thấy rằng ở Bắc-kỳ là xứ tiếp-thụ hán-học trước tiên, và là nơi trung-tâm-điểm của nền văn-hóa nam-việt.

Khi xưa bị Tàu chinh-phục, ta phải học chữ hán, nên trong cách phát âm chữ hán, ta đọc nhiều tiếng na-ná giống tiếng của Tàu :

Tiếng hán-việt :
Trunh-hoa
khai-hóa
thiên
hải
Tiếng quan-thoại
Trung-hoa
khai-hóa
thiến
hải
Tiếng quảng-đông
Trúng-và
hối-phá
thin
hỏi

Như vậy, ta có thể đoán : ban đầu, người mình học chữ hán là đọc theo tiếng quan-hỏa, hơn là cho rằng đọc theo tiếng quảng-đông.

Lâu ngày người mình biết chữ hán lại dạy-bảo lẫn cho nhau, nên dần dần mới đi xa với lối phát-âm của Tàu mà thành ra thứ tiếng hán-việt ngày nay.

Thử viết

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

Số 8

HOA-BẰNG

Những chữ hán đọc theo giọng ta đó lâu dần trộn lẫn vào tiếng bản-quốc, càng ngày càng làm giàu cho ngôn-ngữ văn-tự của ta. Cũng như từ ngày âu-hóa đến nay, trong tiếng nam đã có biết bao những tiếng lai pháp : dao *dip*, mũ *phớt*, giầy *giôn*, *ba-toong*, *bù-loong*, *lắc-lê*, *tông-đơ*, v. v. đều là một lệ đó cả.

Vì tiếng tàu và tiếng ta được buộc với nhau bằng sợi giây liên-lạc mật-thiết như thế, nên chữ hán mới lẫn nhiều vào tiếng ta và tiếng ta rất tiện dung nạp những tiếng hán-việt.

Còn Trung và Nam-kỳ nguyên xưa là đất Chiêm-thành và Chân-lạp. Khi đã đồng-hóa với ta, chắc họ phải học theo ta và nói như ta, nên về mặt ngôn-ngữ văn-tự nay có cái kết-quả tốt đẹp là Nam, Bắc nhất trí.

Về những tiếng thổ-âm khác nhau ta nên cho chúng thuộc loại « đồng nghĩa », chứ không nên phân-biệt Trung, Nam, Bắc chi hết :

quả dứa	*trái thơm*
na	*mãng-cầu*
hoa	*bông*
thuyền	*ghe*
hòm	*rương*
lạy	*sá...*

Còn cách phát âm có chỗ nặng nhẹ, khác nhau là do địa-dư, phong-thổ và tập-quán mỗi nơi một khác, cũng như người Mỹ nói tiếng ăng-lê tuy hơi khác giọng người Anh, nhưng khi viết thì viết đúng nhau cả.

Từ thế-kỷ mười bảy trở đi, nhờ sự kế-tiếp cộng-tác của các giáo-sĩ ngoại-quốc, nhất là các ông Alexandre de Rhodes, Pigneau de Béhaine, Antoine Barbosa và Gaspar de A maral, chữ quốc-ngữ được thành lập. Ta dùng nó làm lợi-khí để giới-thiệu học-thuật và truyền-bá tư-tưởng rất tiện-tiệp, dễ-dàng.

Sách, báo quốc-văn ngày một thịnh-hành và phổ cập, làm đạt được cái mục đích rất thiêng-liêng, rất cao-quý : đặt cái ngạch ngang nối giữa tiếng nói ba kỳ.

Lại nhờ có đường xe lửa nối xuốt Đông dương, tiếng nói và chữ viết của ta ngày càng liên-lạc thống-nhất như cái đường rày chạy xuốt từ Bắc vô Nam, không còn có gì cản-trở và chia-rẽ được nữa (3).

TIẾT VII

ĐỊNH NGHĨA VÀ THUYẾT MINH VỀ PHONG-DAO, TỤC-NGỮ

Không cứ ở dân-tộc nào, văn vần bao giờ cũng có trước văn xuôi. Chung một công-lệ đó, văn vần việt-nam cũng theo cuộc sinh-hoạt của dân xứ này mà ra đời. Trình-tự tiến hóa của dân-tộc ta bước tới đâu, nó cũng đi tới đó. Trong trận văn-chương, nó là đội quân tiên-phong dọn đường mở lối cho văn xuôi, rồi họp sức cùng nhau, nó với bạn nó — văn xuôi — dắt dân Việt-Nam lên trên vũ-đài văn-hóa tốt-đẹp.

Nói đến văn vần việt-nam, ta phải công nhận tục-ngữ, phong-dao là thứ « nội hóa ». Nay tôi xin đặt một cái danh-từ mới để tặng nó : « văn vần tổ truyền ».

Đây, bước đường trải qua của thứ « văn vần tổ truyền » đó :

Trước tiên còn là những câu tự-nhiên, đơn-sơ, ngắn-ngủi ; sau mới đến những câu bóng-bẩy, văn-hoa. Căn-cứ vào đó, ta có thể nói : Tục-ngữ để trước phong-dao.

Nhưng, về lối « văn vần tổ truyền » này, có nhiều thể lắm : tục-ngữ, ngạn-ngôn, phong-dao, ca-dao và sấm-ngữ, v. v. Trước hết ta phải định nghĩa chúng đã, rồi sau mới thuyết minh được.

Tục-ngữ. — Một thứ văn vần không hạn chữ, không buộc vần bằng hay trắc, ra đời từ lúc mới có dân-tộc này. Lâu ngày, nó tiêm-nhiễm vào phong-tục, nhuần-thấm khắp cả quần chúng. (*Có cấy, có trông ; có trồng, có ăn*).

Ngạn-ngôn. — Hình-thức giống lối tục-ngữ, nhưng tinh-thần thì chú-trọng về mặt đạo-đức, luân-lý : dạy cách tu thân, xử thế tùy theo trình-độ và hoàn-cảnh từng thời-đại. (*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*). Dẫu vậy người ta cũng có thể gồm tục-ngữ và ngạn ngôn làm một.

Phong-dao. — Tiếng của tâm hồn nam-nữ ở những nơi đồng nội, đồi, núi, rừng rợ... Trước gió, dưới trăng, bên suối, nó bày-tỏ những tình yêu-thương, nhớ tiếc, buồn tủi căm hờn... Hầu hết là lối văn lục-bát, trừ ra những khi biến lệ, nó mới không chịu bó-buộc theo toàn vần bằng và đủng số chữ như lối trên sáu dưới tám. (*Sông sâu, nước hiểm làm vầy ! Ai xui em tới chốn này, gặp anh ? Đào tơ sen ngó xanh xanh, ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên*).

Ca-dao. — Với lối trên, nó không khác mấy, vì hình-thức câu văn hoàn-toàn giống nhau. Có phân-biệt chăng, là vì nó không thiên về mặt phong-tình, nhưng bao-gồm cả mọi phương-diện : chính-trị, kinh-tế, xã-hội, tôn-giáo, v.v. (*Ở đời, muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh-hùng mà thôi*). Nhưng, nếu không cần phân-biệt kỹ-càng như đây, người ta vẫn có thể hợp nhất phong-dao với ca-dao được.

(*còn nữa*)

---

1) Theo thứ-tự, bài V.N.V.H.S. ra kỳ này là số 8. Kỳ đăng ở T.T. 14 là số 7.

2) Dioi hay dièi là một thứ thổ-ngữ của tiếng thái ở miền tây nam Kouang-Tchéou.

3) Sách báo thảm khảo : Les origines de la langue annamite *par E. S. miss. ap., premier fascicule (1e édition), 1923* ; Khảo về cội-gốc tiếng Việt-Nam (*Đầu đề bài này tôi nhớ phỏng thế, vì đọc đã lâu, của Nguyễn văn-Tố (báo Đông-thanh)* ; Phủ-biên tạp-lục, *quyển VI, của Lê-Qui-Đôn*; Ai đặt ra chữ quốc-ngữ *của Nhân-Nghĩa (báo Trung-Bắc ngày 15-12-1940).*

Hội - nghị Mạc - tư - khoa

NHẬT NHAM

NGÀY 22 Juin 1941, khởi cuộc chiến tranh Nga Đức! Ba tháng chiến đấu oanh liệt đã đem lại cho Nga một cuộc thất-bại rất lớn về chiến-thuật hơn là về lực-lượng! Đất-đai bị chiếm, các xưởng kỹ-nghệ bị tàn-phá, chiến-cụ bị hủy hay tịch-thu mất nhiều, quân-sĩ bị hại một số không nhỏ!

Nhưng, thực ra, Nga còn nhiều lực-lượng. Nước rộng, dân nhiều. Bốn thị-trấn sản-xuất kỹ-nghệ: Mạc-tư khoa, Toula, Javanovo và Magnitogorsk và nhiều khu kỹ-nghệ khác của Nga mới mở tại miền tây xứ Tây-bá-lợi-á và triền sông Oural. Lại có hàng triệu quân.

Tuy vậy, lực-lượng ấy cũng chưa đủ để đối-phó với chiến thuật có kinh-nghiệm và xảo tri của Đức, trong một thời-gian lâu dài.

Thực vậy, một cớ chính-đáng của sự thất-bại là bộ tư-lệnh Nga không đủ chiến-thuật để đương đầu với Đại-bản-doanh Đức.

Lại thêm Nga không sản-xuất kịp những khí-cụ tối-tân đủ cung cho quân đội Nga. Muốn phụ vào sự thiếu-thốn ấy, Anh và Mỹ phải cần kíp giúp Nga thực nhiều khí-cụ tinh-nhuệ.

Như vậy, Nga mới có hi-vọng kháng-chiến. Ấy cũng vì có những vấn-đề quan-trọng như thế, nên có cuộc hội-nghị Mạc-tư-khoa!

Từ 29 Septembre 1941, hội-nghị ba nước Hoa-kỳ, Anh, Nga đã họp tại Mạc-tư-khoa. Lễ khai mạc rất trọng thể. Ngoại tướng Nga Molotov chủ tọa, tỏ nhời cảm-tạ hai ông Lord Beaverbrook và Harriman, trưởng đoàn phái bộ Anh và Hoa-kỳ. Ông Litvinoff, đã xa mọi việc chính trị từ 1939, vừa mới được gọi ra để phụ thêm vào đoàn đại-biểu Nga-sô-viết với ông Golikov.

Hội-nghị đặt sáu ủy-ban để làm tờ trình về sự cần dùng của Nga trong cuộc chiến tranh Nga-Đức.

Xem như thế, thì mục đích cốt-yếu của hội-nghị Mạc-tư-khoa là tìm các phương-pháp để Mỹ và Anh có thể giúp một cách nhanh-chóng nhiều chiến cụ cho Nga-sô-viết chống nhau với Đức quốc-xã. Nhưng thực ra hội-nghị này có một quan-hệ mật thiết về chính-trị hơn là về thực-tế. Ấy là cảm-tưởng giữa các giới ngoại-giao, nơi các tin-tức về cuộc hội-nghị Anh Mỹ Nga được lựa lọc rất cẩn-thận.

Việc dự-định triệu-tập cuộc hội-nghị này đã được công nhận từ lâu, ngay từ lúc các nhà quan sát thời-cục đều đồng ý không chắc Nga có đủ lực-lượng để kéo dài cuộc kháng-chiến.

Nếu trước kìa hội-nghị ba nước hình như cần phải triệu tập ngay, mà chưa kịp họp, là vì còn nhiều vấn-đề thiết-yếu cần phải giải-quyết trước: những vấn-đề có tính cách chính trị!

Sau ba tháng kháng-chiến, Nga đã bao phen mất vẻ điềm-tĩnh! Mạc-tư-khoa nóng lòng chờ đợi: muốn Anh-Mỹ giúp mình thực nhiều chiến cụ tinh-xảo, trong một thời-gian rất ngắn.

Sự yêu-cầu càng ngày càng tha-thiết khiến hai nước Anh-Mỹ phải bận lòng lo giải-quyết xong trước các vấn-đề khó khăn sẽ đem bàn tại hội-nghị.

Những vấn-đề này có tính cách chính-trị, kinh-tế và tinh-thần tuyệt đối.

Trong cuộc hội kiến đầu tháng Aout 1941, tổng-thống Hoa-kỳ Roosevelt và thủ-tướng Anh Churchill đã đem vấn-đề hội-nghị Mạc-tư-khoa ra bàn đi tính lại. Vì xét Nga cộng-tác vào cuộc kháng-chiến chung, nên sau khi hội-kiến, hai nhà chính khách Anh-Mỹ đã tuyên-ngôn tám khoản đề-nghị.

Khoản thứ 2 nói rõ mỗi cuộc hoán-cải về địa-giới một nước phải do theo ý muốn của dân bản-xứ tự-do phát-biểu. Vấn-đề đất-đai của Nga chiếm được từ lúc khởi cuộc chiến-tranh năm 1939 cũng bàn đến. Hiện-thời các nơi ấy phần nhiều bị quân-đội Đức và đồng-minh chiếm đóng, nhưng Nga cũng chưa chịu bỏ hẳn mà không nghĩ đến việc chinh-phục lại. Các nhà cầm quyền Nga và Ba-lan lánh nạn tại Luân-đôn đã cùng nhau mở cuộc điều-đình. Nga bảo-đảm, hay nói cho đúng, hứa nhiều về các khu Nga chiếm được hồi Septembre 1939 trên đất Ba-lan. Nhưng chưa có gì tuyên-bố chính-thức.

Số-phận các nước miền duyên-hải Baltique Estonie, Lituanie, Lettonie, sáp nhập vào Nga cũng đã dự-định.

Chắc ta còn nhớ đầu năm 1939, Anh đã điều-đình với Nga về vấn-đề này mà không có kết-quả.

Về phương-diện kinh-tế, tám khoản Potomac định thực-hành một chính-thể quốc-tế lấy tự-do làm gốc, nghĩa là một chính-thể trái với chính-thể Nga-sô-viết.

Sau nữa, Anh và Nga, dù phái Bảo-hoàng, dù phái Cộng-sản, đều có ở Cận-Đông nhiều quyền-lợi tương-phản. Hình như hiện

nay, tại Ba-tư, dân Kurdes nổi loạn, một phần do Nga ám-trợ. Vua Ba-tư thoái-vị có nhẽ là một cách trả lời êm-đềm của Anh về việc ấy.

Nhưng dù sao, theo nhời tuyên-bố của Đại-sứ Nga Maisky tại hội-nghị đồng-minh Anh ở Luân-đôn, Nga rất hoan-nghênh các chi-tiết cuộc hội-kiến Roosevelt-Churchill và công-nhận việc thi-hành các chi-tiết ấy rất thích-hợp với hoàn-cảnh và sự nhu-cầu của nước ưa chuộng hòa-bình.

Rồi, trong khi hội-nghị ba nước họp tại Mạc-tư-khoa, thủ-tướng Churchill tuyên-bố tại hội-đồng thượng-thư : các đại-biểu Anh-Mỹ tại hội-nghị rất ân-hiền tình-thế Nga với các thứ cần giúp Nga ngay từ bây giờ để Nga đủ lực-lượng kéo dài cuộc kháng-chiến.

Thủ-tướng khuyên dân Mỹ và Anh phải hết lòng hy-sinh, đem toàn-lực giúp Nga, đặt nhiều nơi sản-xuất kỹ-nghệ và khuếch-trương việc chế-tạo chiến-cụ hiện hành trong 2 nước.

Trước khi hội-nghị bế-mạc, chính-phủ Nga tổ-chức một tiệc trọng-thể để tỏ tình thân-thiện với đại-biểu Anh và Hoa-kỳ trước khi lên đường về nước.

Hội-nghị Mạc-tư-khoa có ảnh-hưởng đến việc chiến-tranh Nga-Đức là còn do hai nước Hoa-kỳ và Anh có thi-hành đúng nhời đoan-ước với ông bạn Đỏ không ? Thời-gian sẽ cho ta biết những điều kinh-nghiệm về quốc-tế !

NHẬT-NHAM

Bạn đồng-nghiệp mới

Tuần báo Ngòi Bút, do ông P. N. Khuê đứng chủ trương, định đến ngày 9 Octobre 1941, sẽ ra số 1. Báo quán ở 53-71 phố Tien-tsin, Hanoi. Tri-Tân xin chúc mừng bạn đồng-nghiệp mới và vui lòng giới-hiệu với các độc-giả

TRÒ MÚA RỐI

Tình hình quốc tế bây giờ đầy những sự trái ngược, trên bức dư đồ ngoại giao đương diễn một tấn trò múa rối, khiến cho khán giả chỉ có hoa mắt inh tai mà không sao hiểu thấu.

1934, nước Pháp đã học một bài kinh nghiệm, khi ông Laval ký một bản hiệp ước với Staline. Dần dần, nước Pháp mới hiểu rằng những mệnh lệnh của Moscou không ăn điệu với văn hóa nước mình, và sự « chung đụng » ấy rất có hại ! Bây giờ, Mỹ và Anh đương ve vãn « cô nàng Moscou », và Staline vẫn lớn tiếng « Đả đảo Fat-sit » !

3 Septembre 1939, Anh tuyên chiến với Đức để phản đối sự chiếm Ba lan. 14 hôm sau, Nga cũng vượt biên giới, cùng Đức mổ xẻ một nước to rộng ấy. Đức lấy máu của chiến sĩ để đoạt Ba lan, Nga chỉ là con « chó ngao » bám theo chân con hùm để kiếm mồi chết, nhưng miếng « mồi chết » vẫn to phần hơn.

Rồi trong khi Pháp gằng nhau với Đức trong trận 39-40, thì Nga thừa cơ nuốt hơn nửa Phần lan, cả ba nước Lithuanie, Lettonie và Esthonie, xứ Bukovine và Bessarabie. Trong việc xâm chiếm bất nhân, Nga đã hơn Đức một bậc.

Các nước Dân chủ ở miền Tây Âu (Pháp, Anh) lại càng hô hào mạt sát sự xâm lấn.

Rồi tháng Juillet 1940 Pháp đã bỏ giáp. Tình hình quốc tế có vẻ rõ-ràng hơn : một bên là Anh có Mỹ giúp, là các trang hiệp sĩ mặt dân chủ ; một bên là Đức có Nga phò, là hai tay đại tướng về chính sách độc tài.

Tấn tuồng cũ diễn mãi. Đến bây giờ các vai tuồng lại thay đổi hết: Nga bất nhân tàn ác đã thành ra một nhà đạo đức, khi bị Đức đánh. Tổng thống Mỹ đánh điện chúc mừng Staline, các nhà thờ nước Anh cầu Trời giúp nước Cộng sản !

Đùng một cái, *lại « diễn » đến lớp* tuồng Ba tư. Một nước nhỏ, thái bình, đột nhiên bị Anh, Nga đánh ép hai mặt. Đến đây, thử hỏi việc Đức, Nga xâu xé Ba lan có khác gì? Ta hãy mời Luân đôn, Nữu ước giảng hộ « bài tính đố » ấy, nhất là sự xâm chiếm Ba tư đã kế tiếp sự thôn tính Irak, Syrie.

Ta hãy đến đoạn thứ nhì, nói rằng không bao giờ dùng võ lực để chiếm thêm đất đai. Anh Mỹ tận lực triệt Đức, để lấy cớ giải phóng cho mấy nước. Đáng phục lắm ! Nhưng sao hai cường quốc ấy lại giúp Nga là nước đã đem bao nhiêu tiểu quốc bắt làm nô lệ ?

Nhà ngoại giao đại tài về thế kỷ XIX, hầu tước Talleyrand đã nói một câu rất thâm trầm : « *Phải ôm chặt vào các tôn chỉ, cho đến khi nó đổ nhào !* » Đó là tôn chỉ của nước Anh để tự bào chữa và cầu cứu nước Mỹ. Xâm lấn, dân chủ, quyền lợi các dân tộc, bao nhiêu tôn chỉ, khẩu hiệu, chỉ để họ dùng như trò múa rối.

Nước pháp chỉ còn bị lừa nữa. Và « mặt nạ » của nước Anh đã lột rồi, thì nước Pháp dại gì còn lăn vào vòng chiến, trong khi được lo xây đắp cuộc hòa bình.

TRÚC-ĐÌNH

Hộp thơ

Ông Hoàng tất Phùng, Thanh hóa — bản chí không nhận được mandat 2 p. 50 của ông. Ông gửi cho cái ngân phiếu khác rồi viết cho nhà Bưu điện đòi hoàn số tiền kia.

Cùng các nhà đại lý *Nam Thi* (Laokay), *Vương Công* (Quảng ngãi), *Mỹ Liên* (Qui nhơn) *Tân Việt* (Mỹ-tho) Bản chí đã viết thơ riêng dục các ngài làm relevé vậy mà tới nay cũng vẫn chưa thấy gì. Mong các ngài kịp gửi ngay cho.

Ông Trần quang Chiều, hiệu sách Idéale Namđịnh — Ông gửi thư mua, sao ông lại không nhận. Ông không đứng đắn chút nào cả.

TIN VĂN HẰNG TUẦN

Quốc-tế

Đức lại bắt đầu khởi một trận đại tấn-công ở Nga.

Anh dọa sẽ đổ-bộ sang lục-địa Âu! Máy bay Nga ném bom làm chết hàng mấy nghìn tù-binh Nga trong một trại giam ở Ukraine. Quân Lỗ vẫn thắng quân Nga ở phía Nam. Moscou và Leningrad đều bị khủng-khiếp dưới trận mưa bom dữ-dội.

Quân Nga cố phá vòng vây ở Leningrad nhưng vô hiệu! Phi-cơ Đức phá tan được nhà ga Kharkov. Anh và Đức đang điều-đình về việc trao đổi tù binh. Hai chiếc tàu vận tải Pháp bị tàu chiến Anh đánh đắm.

Ông Koh Ishii, phát-ngôn nhân bộ Thông tấn Nhật, vừa tuyên bố rằng cuộc thương thuyết của Mỹ với Nhật vẫn tiến hành như thường. Lại nói không nên để ý đến một tin của Mỹ nói rằng người ta đã hết hy-vọng về cuộc thương-thuyết này.

Trong cuộc tấn-công mới vào tỉnh Hà nam, quân Nhật đã chiếm được Tcheng Tchéou.

Tại miền Hoa-bắc, quân Nhật và quân Trung-hoa hiện đang giao-chiến kịch liệt. Đồng thời quân Nhật ở Nunnan đã rút lui tại nhiều nơi.

Theo tin của người Tàu, thì hiện số quân Nhật ở Chengchoud đã tăng thêm lên 20.000 quân và hiện nay chiến-tranh rất kịch-liệt ở miền Vang Chengoker.

Các báo Nhật và toàn thể quốc dân Nhật rất nóng lòng muốn cho chánh sách của Chánh-phủ trong cuộc thương thuyết Nhật Mỹ cương quyết và nhanh chóng rõ rệt hơn.

Báo « Miyako » lần này là lần đầu lên tiếng công kích Chánh-phủ và khuyên Chánh-phủ nên hành-động.

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Xưa nay, nước Pháp vẫn là nước có những cuộc tái-sinh xán-lạn và lạ lùng. Dĩ-vãng của nước Pháp bảo-đảm cho tương lai nước Pháp ».

Đông-dương

Muốn cho sự cai trị trong những miền mà ủy-ban phân định biên giới sẽ định rõ theo như hòa ước ngày 9-5-41, hai đoàn đại biểu Pháp-Thái tại ủy-ban ấy đã ký hiệp định thi hành ngày 30 Septembre 1941 về việc định biên giới tạm thời cho đến khi phân định hẳn biên giới hai xứ.

Hoàng-thân Cao-mên là Sisowath Youtevong đã trình luận án thi biên-sĩ toán-học và đã được ban giám-khảo liệt vào bình hạng. Hoàng-thân là người Cao-mên thứ nhất đỗ Tiến-sĩ toán-học.

MỚI CÓ BÁN

THẰNG TUẤT

Tiểu-thuyết của Trần-Mai-Ninh

Giá 0p.45

Có thêm phần phụ bài « Cái lối văn rườm rà mà trống rỗng đang nhiễu hại ở xứ này » để trả lời những ai đã công kích chúng tôi.

Còn một số rất ít :

NỢ VĂN *phóng-sự của* Lãng-Tử

Giá 0p 45

TÔI LÀM XIẾC *giải thưởng Việt-Báo 1940*

Giá 0p 38

SẮP CÓ BÁN

GIÓ ĐƯA *tiểu-thuyết của* VỊ-HỒ

TRÊN ĐỒI XIM *tiểu-thuyết của* NG. KHẮC-MẪN

Giá 0p.50

Mỗi quyển đều có thêm phần phụ rất đứng đắn của nhà xuất-bản hoặc nghiên-cứu, phê-bình hay nghị-luận.

Nhà xuất-bản « TÂN-VIỆT »

Các bạn và các đại-lý muốn giao-thiệp xin cư biên thư về

49, Rue de Takou — Hanoi

Khi nào chỗ ở mới sắp đặt xong sẽ tuyên bố lên báo

Hội Truyền-bá học Quốc-ngữ

Ngày 12-9-41, quan Toàn-quyền đã ký nghị-định cho Hội Truyền-bá Quốc-ngữ được năng-lực pháp-luật (Đông-pháp Quan-báo số 76 ra ngày 17-9-1941).

Hội lại vừa nhận được :

Mấy ông công-chức ẩn-danh ở Hanoi cho giấy và ngòi bút đáng giá 12p.00.

Mấy ông công-chức sở Địa-chánh Bắc-kỳ ở Hanoi gửi cho 6p.00.

Một bạn thanh-niên vào làm việc trong Nam: 10p.00.

Hội xin cảm tạ các nhà hảo tâm đã giúp hội.

Khóa học thứ bảy này, hội nhận được tới 3.500 học trò. H.T.B.H.Q.N. lai cảo

Cải-chính

T T. số 14 — Bài « Khói trà hương đượm...» : Hai chữ *Yiễm Yiễm*(trà-thất) là những tiếng tên riêng viết theo vần quốc ngữ cải-cách, chứ không phải viết là Giễm Gễm như đã in.

T.T. số 16 — Trang 10, cột 2, dòng 31 : «... nét chập chân », sửa là « nét chập-*chờn* » ; tr. 4, c. 1, d. 20 : «hai, ba, bốn, năm» xin đọc là « *hai, ba, bốn, năm, bảy* »; d. 4, 3, « nhị, tứ, lục » xin đọc là « *nhị, tứ, lục, bát* »

T. T. số 17 — Tr. 21, c. 3, d. 12 : «... chừng cũng *dễ* », sót chữ « *dễ* » ; tr. 23, c.1, d. 2 : «Trần hưng» sửa « *Trùng*-hưng » ; d. 9 : sau « Chiêu-lăng » thừa ba chữ « *của thượng hoàng* ».

T. T. số 18 — Tr. 2, c. 1, d. 34 : «... điện văn » sửa là «... *điện* văn... »

Danh-nhân nước Nam

NHẬT-NHAM

Nguyễn - Khoái

Tháng ba năm Mậu-tí (1288), *Hưng-đạo vương sai Nguyễn-Khoái* dẫn binh lẻn qua đường tắt lên mé thượng-lưu sông Bạch-đằng, kiếm gỗ, đẽo nhọn, bịt sắt, đóng giữa giòng sông, rồi phục binh chờ nước thủy triều lên thì đem quân ra khiêu chiến, dử cho thuyền giặc Nguyên qua chỗ đóng cọc, hễ thấy nước thủy triều rút xuống thì quay binh lại, hết sức đánh.

Nguyễn-Khoái theo đúng chiến-lược ấy. Quân Nguyên trúng kế, thuyền mắc phải cọc, đổ nghiêng, đổ ngửa, đắm vỡ mất nhiều. Quan quân thừa thắng đánh cực hăng, quân Nguyên chết như rạ, máu loang đỏ cả khúc sông. Nhiều tướng Nguyên như Ô-mã-Nhi, Phàn-Tiếp Tích-Lệ-Cơ-Ngọc đều bị bắt cả. Riêng Nguyễn-Khoái bắt được Ào-lỗ-Xích.

Tháng tư năm Kỷ-sửu (1289), định công hành thưởng ; Nguyễn-Khoái được phong là Liệt-hầu.

Vua ban cho một ấp thang-mộc, đặt tên là Khoái-lộ tức là phủ Khoái-châu (Hưng-yên) ngày nay.

Đỗ-Hành

Trận Bạch-đằng, Đỗ-Hành bắt được tướng Nguyên là Ô-mã-Nhi.

Sau định thưởng, Đỗ-Hành được phong làm Quan Nội-hầu.

Lê-phụ-Trần

Dưới triều Trần Thái-Tôn, quân Mông-cổ tuy thua, phải rút về, nhưng chẳng bao lâu vua Mông-cổ lấy được nước Tàu, bèn sai sứ sang đòi nước Nam phải triều-cống.

Vua Thái-Tôn muốn làm kế hoãn binh, sai *Lê-phụ-Trần đi sứ,* xin cứ ba năm sang cống một lần.

Sau quân Mông-cổ lại sang quấy nhiễu. Tháng 12 niên-hiệu Nguyên-phong thứ 7 (1259), tướng Nguyên đến đánh đất Bình-lê-nguyên. Vua Thái-Tôn tự làm tướng, ra đốc chiến, xông-pha tên đạn. Thế giặc mạnh ; quan quân tìm đường rút lui. Vua ngảnh lại nhìn tả, hữu, chỉ thấy một mình Lê-phụ-Trần ra vào chiến địa, nét mặt nhưng-nhưng, không biến sắc. Vua khen là tướng giỏi, tôi trung.

Đỗ-khắc-Chung

Đỗ-khắc-Chung người vùng Anh-sơn thuộc tỉnh Hải-dương.

Niên-hiệu Thiên-bảo thứ 7 (1286), quân Nguyên kéo về đóng tại bến Đông-bộ-đầu. Hưng-đạo-vương lập trại mé nam-ngạn để phòng giữ.

Vua Nhân-Tôn muốn sai người đi thám hư thực, nhưng khó tìm được người đủ tài-năng và dũng-cảm.

Chi-hầu Cục-thủ là Đỗ-khắc-Chung tình nguyện xin đi.

Vua ban khen : « Ngờ đâu xe muối mà lại có ngựa kỳ, ngựa kỳ như thế ! », rồi giao thư cho Khắc-Chung đem sang trại Nguyên.

Khi ấy, các tướng-sĩ quyết chí đánh giặc, người nào cũng lấy mực thích vào cánh tay hai chữ « *Sát Thát* », nghĩa là giết quân Mông-cổ.

Đỗ-khắc-Chung đem thư đến trại giặc ; tướng Nguyên tỏ thái-độ không bằng lòng việc quân ta thích chữ « *Sát Thát* »

Khắc-Chung đáp rằng : « Con chó tự nó cắn người lạ, chứ có phải do chủ nó xui đâu ! Vì lòng công-phẫn, quân-sĩ tự thích chữ *Sát Thát,* chứ thực quốc-chủ tôi không biết tới việc đó. Ngay tôi đây là cận-thần, nếu có lệnh trên, sao riêng một mình không thích chữ ? »

Khắc-Chung bèn giơ cánh tay cho xem, rồi nói tiếp : « Hiền-tướng không theo chính sách của Hàn-Tín bình Yên ? Vua tôi cho đưa thư-tín muốn cùng thông-hiếu ; nếu không thông-hiếu, ấy là cái lỗi hiền-tướng ! Kẻ anh hùng không nên lấy cường-lực áp-bức người khác. Ta thường nói : Muông thú đến lúc cùng thời cắn lại ; chim cùng thời mổ lại, huống chi là loài người ! »

Sau khi Khắc-Chung từ biệt ra về, tướng Nguyên quay lại bảo các thuộc-hạ : « Con người ấy đương lúc bị uy-chế mà nhời-nhẽ tự-nhiên, ứng-đối trôi-chảy, thực không nhục đến quân-mệnh ! Nước họ còn có người giỏi như thế, chưa dễ đã mưu-đồ được ! »

Sau Đỗ-khắc-Chung làm quan đến chức Đại-hành-khiển và được theo họ nhà vua.

Phạm - Ngộ

Niên-hiệu Trùng-hưng (1285-1293), Phó tướng nhà Nguyên xâm-phạm trại Yên-hưng (Quảng-yên).

Thái-thượng-hoàng và vua Nhân-Tôn thân chinh đi đánh giặc.

Hưng - đạo vương làm tướng Trung-quân, có văn-thần Phạm-Ngộ *tham giúp việc quân ; gia-tướng Yết-*Kiệu, Đa-Tượng làm tả, hữu Vệ-úy tướng-quân ; Cao-Mang, Đại-Hành làm tiền, hậu Vệ-úy tướng-quân ; cùng chia đường tiến đánh.

Sau khi thắng trận khải hoàn, vua Trần-Nhân-Tôn thưởng công : Phạm-Ngộ được hưởng 80 mẫu ruộng thế-lộc.

Phạm-Ngộ và em là Phạm-Mai đều là danh-thần thời bấy giờ.

*Về sau, họ Phạm ở ba làng Kính-*chủ (huyện Anh-sơn), Dũng - liệt (huyện Yên-phong) Tim-đôi (huyện Võ giàng) đều là giòng giỗi Phạm-Ngộ.

Trần-bình-Trọng

Niên-hiệu Thiệu-bảo (1279-1284), sau khi Thăng-long thất thủ, Trần-bình-Trọng vâng lệnh Hưng - đạo vương, ở lại giữ Thiên-trường, cự nhau với quân Thoát Hoan, rồi rước xa-giá ra Hải-dương.

Ở Thiên - trường, Trần - bình-Trọng được tin quân Nguyên đã đến khúc sông Thiên-mạc (phủ Thoái-châu, Hưng-yên), vội-vàng đem thuyền và quân ra đánh ở Đà-mạc. Giặc thấy quân ta ít, bèn đem toàn-lực

đến vây. Bình-Trọng không may bị bắt nộp Thoát-Hoan. Thoát-Hoan vốn nghe tiếng Bình-Trọng là tướng tài, muốn khuyên dỗ về hàng, thết-đãi tử tế; nhưng Bình-Trọng không ăn. Hỏi dò việc nước, Bình Trọng không nói.

Sau Thoát-Hoan hỏi: « Có muốn làm vương đất Bắc không? »

Bình-Trọng to tiếng quát: « Tao thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc. Tao đã bị bắt chỉ có một chết mà thôi, can gì mà phải hỏi lôi-thôi nữa! »

Thoát-Hoan dỗ mãi không được, sai quân đem chém.

Thánh-Tôn thượng-hoàng cùng Nhân-Tôn và Hưng-đạo vương nghe tin Trần-bình-Trọng tử-tiết, động lòng thương xót, truy tặng làm Trung-thần Bảo nghĩa-vương.

Hà - Đặc

Niên hiệu Thiệu-Bảo (1279-1284), giặc Nguyên xâm phạm sông Thiên-mạc, đem du-binh tiến đến huyện Phù-ninh. Phụ-đạo tử Hà-Đặc trèo lên núi Trĩ - sơn cố thủ. Quân Nguyên đóng đồn ở động Cự-đà.

Hà-Đặc lấy tre làm bồ - dìn, cho mặc áo, đến đêm dẫn cho đi lại, để giặc tưởng người thực, đem lòng ngờ. Giặc quả nhiên sợ, không dám giao chiến.

Quân ta cố sức phá vỡ quân địch. Giặc chạy trốn; Hà-Đặc đuổi theo đến đất A-lạc, làm cầu nổi sang sông, đánh nhau với giặc, đến nỗi phơi mình nơi chiến-địa!

Em Hà-Đặc là Hà-Chương bị giặc bắt. Chương lấy cờ và áo của quân Nguyên, trốn về dâng vua, xin vua dùng cho quân ta trá binh làm quân địch. Quân Nguyên trong lúc vô tình, bị quân ta đánh vỡ

Hai anh em, Hà-Đặc và Hà Chương thực có công to trong trận bình Nguyên.

Trần - thời - Kiến

Trần-thời-Kiến, người xã Cự-tác thuộc huyện Đông - triều (Hải-dương), được Hưng-đạo vương tiến cử làm An-phủ sứ phủ Thiên - trường.

Thời - Kiến làm quan rất liêm khiết. Một ngày kia, có người dâng một mâm cỗ; Thời-Kiến từ chối không nhận. Sau người ấy trình bầy: « Vì chỗ lân cận, biếu cỗ để tỏ tình thân, chứ không cầu xin việc gì ».

Thời-Kiến nghe nói, bất đắc dĩ phải nhận cỗ.

Nhưng chẳng bao lâu, người biếu cỗ ấy có việc đến nhờ cậy Thời-Kiến. Thời-Kiến bèn móc họng thổ ra.

Sau được bổ làm Kiểm-pháp-quan. Phàm các việc tố tụng, ông cứ theo lý mà xét xử. Việc to đến đâu cũng ứng-đãi có phương-pháp.

Kịp đến khi nhập nội, được gia thăng làm Hành - khiển Hữu-giám-nghị đại-phu.

Vua Trần-Anh-Tôn ban cho một cái hốt để nêu rệt tấm lòng cương trực của ông.

NHẬT - NHAM

Tạp trở

Một cái đập ngăn nước to nhất thế-giới

TRƯỚC kia bên Mỹ đã có cái đập Boulder Dam to nhất hoàn-cầu. Hiện giờ chính-phủ lại sẽ có thêm một chiếc đập nữa trên con sông *Colombia*. Cái đập mới này vĩ đại hơn cái trước nhiều và gọi là đập Grande Coulée.

Cái đập đó cao bằng một chiếc nhà 46 từng. Chân đập dài bằng một đoàn tàu 6 chiếc. Nóc đập dài gấp 4 lần chiếc tàu «Normandie».

Xây chiếc đập đó tốn mất 23 triệu tấn xi măng. Nếu chở số xi măng đó trong một chiếc tàu thì tàu đó phải dài tới 800 cây số. Nếu đập Grande Coulée mà rỗng thì tất cả dân số Mỹ có thể đứng vào trong được và mỗi người còn có chỗ để cử động.

Làm xong, nó là một cái hồ lớn dài tới 230 cây số và những máy phát động do chiếc đập đó cung cấp sẽ phát triển một cái điện lực là 2700 000 mã-lực.

Trước khi xây đập đó, chính phủ Mỹ đã phải cho dựng trước 2 tỉnh trên hai bờ sông Colombia: một cho ban thầu khoán và một của chính phủ để làm chỗ ở cho 6000 vừa kỹ sư và thợ. Đập Grande Coulée sẽ thành một nơi chứa nước sâu tới 112 thước và có thể đựng đủ số nước nếu người ta muốn dùng để phát cho mỗi người trên trái đất này 9000 lít.

Công việc xây đập đó mãi tới 1942 mới xong. Lúc hoàn thành thì đập đó sẽ cao 165 thước, nóc giải 1290 thước, rộng 9 thước và chân đập sẽ dầy tới 150 thước,

(Messidor)

MẠNH PHAN dịch

Học chữ Hán không cần thầy không gì bằng

học trong bộ

HÁN VĂN TÂN GIÁO KHOA THƯ'

漢 文 新 教 科 書

soạn giả: LÊ-THƯỚC

Giải nguyên, giáo sư bậc thành - chung

Trọn bộ 5 quyển — Giá 1p 60 — Cước 0p 38

Để cho: hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng bông — Hanoi

VÕ DI-NGUY
(? — 1801)

NGUYỄN-TRIỆU

NGOÀI châu-thành Sài-gòn hiện còn lại rất nhiều mộ các quan nhà Nguyễn từ trước và sau khi chúa Nguyễn Ánh (1) vào Gia-định. Tiếc thay, một số nhiều bài bia mộ chỉ khắc vào « vôi vữa », lâu ngày trông không còn rõ chữ nữa ! Vả lại, phần nhiều không có bia và không còn dấu tích gì cả, như lăng Lê văn-Phong (2), Trương tiến - Bảo (3), nên khó lòng mà biết gốc tích được.

Biết ở vùng Gia-định còn lăng Võ Di-Nguy, trong *« Catalogue classement »* của viện Bác-cổ ở Hà-nội chỉ nói là ở khu đất của Mme Vidal, thế mà tìm mấy tháng trời không thấy, hỏi thăm mãi không ra ! Tìm được đến bà Vidal hỏi, bà cũng không biết là mả nào và ở đâu. Vì đất của bà ở Gia-định nhiều lắm mà chỗ nào cũng có nhiều mồ mả thì biết làm sao được !

Một hôm vào trung tuần tháng giêng, tôi thân đến Miếu lăng ở Phú-nhuận, hỏi thăm một người đứng trong miếu xem lăng ở đâu, thì người đó vui-vẻ đưa tôi ra sau miếu, chỉ cho xem lăng. Té ra người này lại là cháu đời thứ 6 của Võ, tên là Ngà hay *Bầy* Ngà. Hỏi về tiểu-sử của Võ, thì *chú* Bầy không biết gì hết và chỉ nói qua :

« Nghe nói hồi đó ông tôi làm « quan đồng trào với quan Hậu (4) « có thờ bên Phú-nhuận đó và đi « đánh giặc cùng quan lớn Bà- « chiều (5) bị tụi nó bắn trúng đầu « chết. . . . Ông Sơ tôi tên là Thiện « hồi đó xây mả này. . . . »

Vì tối trời nên tôi đành phải kiếu về, để sáng hôm sau sẽ tới xem lăng.

Lăng to lớn nguy-nga ở ngay sau miếu. Mộ-bi cũng bằng « vôi vữa » như những lăng khác, song còn được rõ-ràng lắm và cũng đúng như thần-vị thờ ở trong miếu, do con là Thiện làm (6).

Võ di-Nguy (7) là người huyện Phú-vinh, tỉnh Thừa-thiên, thời vua Duệ - Tôn (Định - vương Nguyễn phúc-Thuần, 1766-1777) làm quản thuyền « Trung-thủy. »

Đầu năm Ất-vị (1775), vua Định-vương vào Quảng-nam, Di-Nguy theo không kịp, bèn cùng cai-đội Tô văn-Đoài và vài trăm quân đi lén vào Gia-định.

Đến mùa thu năm Nhâm-dần (1782), sau khi chúa Nguyễn-Ánh lên ngôi vương đã 3 năm, ngài cất Di-Nguy lên làm Trung-quân Cai-cơ, cùng với Tiền-thủy Cai-cơ là Trương phúc-Dĩnh chiêu tập thủy quân, sửa-sang thuyền chiến.

Cuối năm ấy, biết tin Tây-Sơn sắp vào đánh Gia-định, vương sai *ngoại-tả* Chu-văn-Tiếp và *hữu thủy* Tôn-thất-Cốc dự bị chiến thuyền ở sông Sài-gòn để kháng chiến.

Sang đầu năm sau (Quý mão, 1783) thủy quân Tây-sơn vào đánh Gia-định. Quân Nguyễn thất lợi, vương phải vượt bể sang nước Tiêm-la cầu-viện. Di Nguy cũng trốn lánh đi một nơi.

Đến năm sau, vương từ Tiêm về Gia-định ; Nguy vào bái yết. Năm Ất-tị (1785) vương lại sang Tiêm lần nữa. Di-Nguy cũng lại lẻn theo ngài sang Vọng-các. Mãi đến mùa thu năm Đinh mùi (1787) Nguyễn-vương về đóng quân ở Long-xuyên, lưu Di-Nguy và Phạm-văn-Nhân ở lại cù-lao Phú-quốc để hộ vệ Từ giá và cung quyến.

Đến năm Mậu-thân (1788) khắc phục được Gia-định rồi, ngài mới triệu Võ Di-Nguy về và phong cho làm quản *nội-thủy trung-thủy* thuyền thụ *khâm sai thuộc nội cai cơ* giám tạo các chiến thuyền lớn đi bể.

Năm Quý-sửu (1793), Di-Nguy theo Nguyễn-vương đi đánh Qui-nhơn, cùng với Nguyễn-văn-Trương cầm thủy binh các đạo tiến đến Vân-phong Lại có hậu quân Võ-Tánh tiến binh tới, hai mặt đánh úp, phá tan được quân địch và thu phục được Bình-khang.

Năm Giáp dần (1794), quân Tây-sơn lại vây thành Diên-khánh. Võ di-Nguy đem thủy-quân hộ giá đến cứu viện, quân địch phải tự giải vây mà chạy.

Năm Canh-thân (1800), quân địch lại kéo đến vây thành Bình-định. Nguy lại theo hộ giá ra cứu thành, đóng binh ở lạch bể Cầu-mông. Nguy quản vệ-binh hai dinh, giữ ở Thước-áo. *Tư-đồ* Tây-sơn là Võ-văn-Dũng dùng đại thuyền lấp hẳn cửa bể Thi-nại phòng thủ rất chắc-chắn.

Đầu năm Tân-dậu (1801), đại binh Nguyễn-triều tiến đến cửa Tai-nại, dùng chước hỏa-công, đánh phá bên địch. Võ-di-Nguy ngồi đầu chiến-thuyền, đốc binh vào trước, bị đạn thần-công của quân địch bắn trúng đầu : chết (Ngày 19, tháng giêng, năm Tân-dậu).

Đức Thế-tổ thương tiếc lắm,

sai đem về làm lễ quốc-táng tại Gia-định và sau tặng phong: « *Tá-mạng công-thần đặc tiến Thượng-trụ-quốc Thiếu-bảo quận-công* ». Năm Gia-long thứ 3 (1804), được liệt-tự vào đền Hiển-trung ở Gia-định (8) Năm Gia-long thứ 6 (1809), được tùng-tự vào hàng thứ nhất ở miếu Vọng-các công thần

Năm Minh-mạng thứ 5 (1824), được liệt-tự vào Thế-miếu và đến năm thứ 12 (1831), được tặng *Tả vận công thần đặc tiến Tráng vũ tướng-quân, Thủy quân Đô-thống-phủ Chưởng-phủ-sự, cải thụy Tráng túc phong Bình-giang quận công.*

Thời bấy giờ khắp Gia-định *đều quen gọi Võ Di-Nguy là ông* Chưởng Thủy.

Nguy theo phò chúa Nguyễn, rất giỏi nghề thủy chiến và lại có trí khôn-khéo. Phàm các việc chế-tạo chiến-thuyền đều do tự *ông Chưởng Thủy* chỉ-bảo cách-thức.

Đầu thời Trung-hưng, cứ mỗi khi về mùa gió nồm (9) thì Nguyễn-vương vượt bể ra đánh Tây-sơn, phần nhiều là nhờ sức Võ Di-Nguy vậy.

Nguy có hai trai là Minh và Thiện. Minh không có con; Thiện sau làm đến chức cai-đội và có một con tên là Thái cũng được tập-ấm phong tước là Bình-giang bá. NGUYỄN TRIỆU

1) Tức là vua Gia long sau này

2) Thống chế, em ruột Lê văn Duyệt và đã một lần làm phó tổng trấn Bắc thành.

3) Trung quân phó tướng, Long vân hầu, phó tổng trấn thành Gia định năm Nhâm thân (1812), quyền tổng trấn Gia định năm Nhâm ngọ (1822), mất năm Đinh hợi (1827).

4) Hậu quân Võ Tánh.

5) Tả quân Lê văn Duyệt ở Gia định

6) Miếu thờ đây là do một hội là Phú trung hội lập nên để thờ và làm hội quán, nên ngoài cửa có bức hoành lớn có bốn chữ « Phú trung hội quán » và lăng ở sau miếu. Miếu cùng lăng ở trong cái ngõ gọi là ngõ Đội Có. (Vì đất đó nay là của Đội Có, chớ không phải của Mme Vidal nữa). Ngõ này ở ngay cạnh gian nhà số 162 đường Paul Blanchy prolongée đi khỏi Cầu Kiện thì tới. Mỗi năm hội tế, lại phải tới nhà người cháu Võ là Năm, Trừ ở trong xóm Phú nhuận, rước sắc về hội quán đọc, rồi lại đem rước về trả. Chú Nam Trừ cũng là anh em thúc bá với Bẩy Ngà, vì ăn về chi trưởng nên ở nhà có thờ Võ,

7) B. A. V. H. 1914 p. 133 và Đại nam chính biên liệt truyện sơ tập, quyển 6, tờ 27.

8) Xem Tri tân số 15, trang 20.

9) Bấy giờ ngoài Bắc thường nghe có câu hát rằng: « Lạy giời cho chong gió nồm, để cho chúa Nguyễn thuận buồm kéo ra...»

Đem chuông đi đâm nước người

ÔNG Nguyễn-gia-Cát, người làng Huê-cầu (nay là Xuân-cầu) huyện Văn-giang, tỉnh Kinh-bắc (nay là Bắc-ninh) là một người rất thông minh mẫn-tiệp. Ông đỗ chế khoa (1) vào khoa Đinh-vị (1787) đời vua Lê Chiêu-thống.

Sau khi ông đỗ được một tháng, thì vua Lê phải bỏ Kinh-thành, chạy sang Tàu. Ông tòng vong không kịp, lui về điền-lý.

Năm Gia-long thứ tư (1805), ông được cất nhắc ra làm quan. Rồi được phụng mệnh vua sang sứ Tàu để xin phong vương.

Người Tàu có hỏi vặn rằng. « Vua nước nhà ông đặt niên hiệu là Gia-long há không là nhặt lấy trong hai niên-hiệu của Thiên-triều: Gia-khánh và Kiền-long ư? » Ông đáp: « Nước chúng tôi từ đời Trần, Lê giở về trước, vùng Nam, vùng Bắc chia đôi nhau mà trị lấy dân. Bây giờ vua nước tôi lại nổi lên từ Gia-định, rồi đã thành công được ở Thăng-long, cho nên đặt niên-hiệu là Gia-long, không phải là dám dùng xược đâu! » Người Tàu chịu là ứng-đối giỏi.

Khi đi sứ về, ông được thăng Tả-tham-tri bộ Lễ (2). TIỀN-ĐÀM

1) Chế khoa khoa thi đặt ra để bắt cứ ai đỗ cũng như hàng đại-khoa, duy chỉ có chọn đưa bài là khác và chấm quyển thì có khi ở nhà vua thân chấm lấy.

2) Con cháu hiện nay ở làng Xuân cầu rất đông

Cao-đẳng Hán-học

Tiếp theo trang 7

gì mà lại quên bỏ cả cái chương trình vĩ đại của Cao-đẳng Hán-học viện, dẫu ta giả-thiết rằng chương trình kia đem lợi cho sự truyền bá học thuật Trung-quốc chẳng là bao. Sớm muộn rồi số tiền trợ-cấp cũng trở lại.

Quả-nhiên năm sau Hạ nghị-viện Pháp đã tìm được cách cho chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc giải-quyết vấn-đề trợ-cấp. Nguyên trước kia nước Tàu vẫn phải trả cho mấy nước ở Âu-châu (cả cho Pháp nữa) món tiền bồi-thường Quyền-phí mà sau, nhờ Đoàn kỳ-Thụy, nước Tàu lấy lại được món tiền đó. Hạ-nghị-viện nắm được cơ-hội tốt, đề-nghị rằng một phần của số tiền trả lại nên để lại Pháp giúp vào những công-cuộc giáo-dục Pháp-Hoa.

Đề-nghị được tán-thành. Rồi ngày 27 juillet 1925 một đạo sắc-lệnh của Đoàn kỳ Thụy, chủ-tịch chính-phủ lâm-thời của Trung-hoa dân-quốc miền Bắc, ban-hành và gửi sang chính-phủ Pháp để căn-cứ vào đó mà lấy lại tiền trợ-cấp cho Cao-đẳng Hán học viện và để nối mãi cái tinh-thần của hai nền đại-học Pháp-Hoa.

Lời nói thêm

Trở lên chúng tôi chỉ phác qua mấy nét vẽ Cao-đẳng Hán-học viện từ năm 1926 về trước.

Từ năm 1926 tới nay, viện ấy tiến-hóa như thế nào, chúng tôi xin để các bậc đàn anh nói đến. Vì khi viết bài nghiên-cứu nhỏ này, chúng tôi đã thấy làm một việc quá sức mình. Chỉ tại các bậc đàn anh, những cây danh-bút còn bận đỏ mực cho nhiều vấn-đề cao-xa, nên chúng tôi mới dám đánh bạo « múa dìu qua mắt thợ ».

AN-SƠN-TỬ

(1) Nguyên là thiên Nhạc ký còn sót lại sau khi vua Thủy hoàng nhà Tần đốt sách và chôn học-trò, bản rộng ra.

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 16

BẠCH Y NƯƠNG gượng cười đáp lại :

— Các ông có lòng nghĩ vậy, tôi xin trân trọng cảm tạ sự tận tâm có một không hai ấy. Tấm lòng ấy trên động đến Giời, Đất, Quỷ, Thần, dưới thấu đến lòng người ! Nhưng các ông chỉ hiểu một lẽ mà không hiểu hai. Phu quân tôi với tôi, hai người rất ý hợp tâm đầu. Phu-quân tôi phải gian lao vất vả chỉ vì tôi, ngồi không yên chỗ làm không yên việc, chỉ vì tôi. Lại nay uổng thân bỏ mạng cũng chỉ vì tôi. Cái thân đã làm tai hại cho chồng, đã làm lỡ làng tình nghĩa *thì chỉ còn một thác mới* đền bù được tình sâu nghĩa lớn. Còn các con tôi, tôi đã khuyên *bảo chúng nó cặn kẽ, và cũng sẽ* nhờ các ông trông nom giúp ! Chi tôi đã quyết, các ông cũng không nên cố giữ tôi làm gì nữa...

Mọi người đều im lặng ngậm ngùi, vẻ buồn lộ ra nét mặt. Bữa tiệc tan buồn bã trong đêm tối tĩnh mịch thâm u !

Đêm đã khuya. Các quân sĩ đã yên ngủ cả, chỉ trừ mấy tên lính thỉnh thoảng gõ mõ cầm canh, tiếng mõ cong cóc vẳng xa vào tận rẫy núi sừng sững phía tây, vang lại rõ mồn một, như ở tận đằng kia có người bắt chước gõ theo. Một vài con vạc đi ăn khuya quác mấy tiếng đo đường nặng trịch ! Thỉnh thoảng hơi rào rào cơn gió thổi...

Trong gian phòng trại tướng, Bạch-y-Nương gọi hai con lại, lau nước mắt, buồn rầu nhỏ nhẻ dặn :

— Hai con ạ ! Cha con chết vì Phan-Ngạn, mẹ đã báo thù rồi, xác nó kia, mẹ đã cho tẩm dầu để ngày mai đem thui mà tế cha con. Thế là cha con cũng được ngậm cười ở dưới suối vàng. Mà các con cũng được hả lòng. Nhưng các con có biết vì sao Phan-Ngạn lại đang tâm giết cha con ? Vì mẹ, các con ạ, vì hắn ghen với cha con, định giết đi để rồi chiếm lấy mẹ ! Nhưng chao ôi ! con người tàn-nhẫn chỉ mơ ước hão, tấm thân sáu thước phút đã làm quỷ không đầu ! Thù kia đã báo, thân này mà còn thì càng thêm tủi với lòng. Vậy nên mẹ liều một thác cho song để tạ cha con là người tri-kỷ. Thôi con đừng khóc nữa, Văn-Nguyên con, con đã lớn khôn, đã hiểu nghĩa lớn, tất con không nên bịn rịn nữa mới phải, con im đi mà nghe mẹ dặn : con tài giỏi không kém gì người, con phải trông coi em con cho nó ra người nối được nghiệp ông cha. Thế là mẹ mừng. Con đừng buồn rầu quá mà hại đến thân. Con nên nghĩ đến sự nghiệp sau này Đây, mẹ sẽ viết cho con bức thư trần tình, sau khi mẹ đã chết, con đem những quân còn lại mà vào Thanh-Hóa, tâu với vua Lê-kính-Tôn, xin ở lại với Triều đình, rồi con cứ yên tâm mà giúp nước giúp dân lập lấy công danh sự nghiệp, cho cha mẹ được thỏa lòng nơi chín suối !.. Còn Văn Chương con, con còn ít tuổi, nhất thiết cái gì con cũng phải nghe theo anh con, đừng để cho anh con phải buồn lòng. Lúc nào con cũng nên nhớ rằng con là con một người cha anh dũng và một người mẹ phi thường Con phải suy xét đắn đo, trước khi làm một việc gì đừng để ô danh đến người sinh-thành ra con. Mẹ biết rằng mẹ không ở lại với các con là nhẫn tâm lắm Nhưng biết làm thế nào vì mẹ ở vào một tình-cảnh éo le trái nghịch quá. Bây giờ mẹ sống cũng bằng thừa ! Các con nên hiểu mẹ và thương mẹ !

Đến đây, nàng nức nở khóc, nói không ra tiếng nữa. Hai con cũng sụt sùi, khốn cầm giọt lệ, và cố van vỉ cho mẹ bình-tâm ở lại.

Nhưng một lúc lâu, nàng ngẩng lên bảo hai con :

— Thôi khuya lắm rồi, đi ngủ đi các con !

Khi Văn Nguyên và Văn-Chương đi cả rồi, nàng lấy ra án sách lấy giấy bút, mực viết tờ biểu sau này :

« *Thần thiếp Nguyễn-thị-Nga, vợ Bản-triều Mỹ quận-Công bái-văn-Khuê, rất dan, rất sợ, trăm lạy dập đầu dâng biểu lên.*

« *Hoàng-đế bệ-hạ.*

« *Thông-minh nhân trí, thay Giời trị dân, lòng nhân ái lan khắp xa gần, trí sáng suốt thấu cùng cây cỏ.*

« *Thần-thiếp tâu xin*

« *Hoàng-đế bệ-hạ.*

« *Thể lòng nhân của Giời Đất, lấy độ lượng Thánh Thần gia ơn cho hai con thần thiếp được giở lại với Triều đình.*

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách : VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim Giá 0p 80

Bán ở nhà in « Du Nord » 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc âm 2p 50.

« Nguyên chồng thần thiếp là Bùi văn-Khuê bị tên Phan-Ngan cám dỗ kéo quân chiếm lấy Kinh-thành, đắc tội với triều đình lắm lắm. Phan-Ngan đã dối lừa chồng thần thiếp và bắn giết ở giữa sông Nhị-Hà. Thần thiếp đã vì chồng báo thù giết chết Phan-Ngan ở trên sông Hoàng-Giang. Nay thần thiếp xin thác theo chồng ở dưới hoàng tuyền. Hai con thần thiếp Văn-Nguyên và Văn-Chương đem quân bản-bộ quy thuận Triều-đình lạy mong.

« Hoàng đế bệ hạ.

« Thương tình đại xá cho tội chết và bỏ dạng vào trong quân ngũ, thần thiếp trăm lạy tạ ơn.

« Hoàng-hiệu Thái-đức năm dần, tháng hai, ngày hai mươi sáu.

« Thần thiếp Nguyên-thị-Niên trăm lạy dệ dâng »

Ngày hôm sau, trên bờ sông Hoàng-giang lập một cái đàn cao mười thước, trên bày đủ các hương hoa lễ-vật như thường lệ. Một vị hòa-thượng chủ lễ đang tụng kinh ở trên đàn cầu cho hương-hồn Mỹ quận-công bùi-văn-Khuê được siêu-linh tịnh-độ nơi Cực-lạc. Đàn tầng giữa là nơi các tương đến lễ. Dưới, các bà già quanh vùng được Bạch-y-nương mời đến dự lễ, tụng kinh rang rảng! Thủng thẳng, chiêng trống bát-âm nổi dậy vang cả ven sông. Xuốt một ngày hành lễ ai nấy đều có vẻ ân-thầm buồn tẻ giữa cảnh ồn-ào của đám đàn chay!

Đến gần tối, Bạch-y-nương cho đem xác Phan-Ngan lên làm lễ chót. Xác Phan-Ngan đã cho quấn rơm tẩm dầu, thui cháy đen lạ, chặt riêng đầu ra, để vào hai mâm dâng lên thượng-đàn. Mùi thịt cháy khen-khét xông ra, ai ngửi thấy cũng phải rùng mình ghê-sợ!

Lễ-vật dâng lên rồi, nàng thân vào chủ lễ. Chuông trống khua ầm-ỏi, âm-nhạc cử lên những khúc ảo-não mơ-huyền. Bài văn-tế, rất bi-ai vang-vẳng bên tai người ngoài lớm bớm như đứt, như nối:

« Bể bắc sóng cồn.

« Non nam mây vần!

« Duyên kỳ-ngộ những tưởng dài mãi trăm năm.

« Số biệt-ly ai ngờ đứt ngay một bận!

. . . . . .

« Thân thiếp đa đoan!

« Số chàng lận-đận!

. . . . . .

« Bị hoại thân chỉ vì sắc vợ thương thất đáng thương!

« Giết kẻ thù để giả nghĩa chồng, hận đà tan hận!

. . . . . .

« Trên nhân-thế, phúc đã khôn trọn!

« Dưới tuyền-đài, duyên càng thêm đậm.

. . . . . .

Tiếng đọc văn-tế vừa rứt nàng nằm phục xuống khóc nức nở mãi. Vị hòa-thượng luôn luôn khêu đèn thắp hương, mắt đăm-đăm nhìn ngọn lửa hồng le lói và làn khói hương tỏa mở, lòng cũng bồn-chồn thương vay cho con người bạc phận!

Bỗng Bạch-y-nương đứng phắt dậy, vuốt lại mái tóc, khép lại tà áo, rồi tiến ra mé đàn, miệng lẩm-nhẩm:

— Phu-quân ơi! đón thiếp với!

Rồi tùm một cái, nàng từ trên đàn cao nhảy xuống: nước sông bắn tóe lên trắng xóa, cuồn cuộn cuốn chìm nàng đi... Vị hòa-thượng trên đàn chỉ còn kịp chép miệng, nói;

— Than ôi! Không sắc, sắc không là thế!

Lúc ấy, Trời, Đất, Quỷ, Thần như cũng cảm-động tấm lòng trinh-liệt của nàng: một cơn gió mạnh bỗng ào ào đổ lộc, rung cây, thổi tung cả vàng mã trên đàn, trong khi các vãi già đang tụng kinh siêu-độ...

●

Sau khi ngọc chìm, hương đắm, người ta tìm mãi không thấy thân thân nàng. Mấy hôm sau, xác nàng mới trôi về địa-phận làng Chi-phong. Dân làng làm lễ mai táng rất trọng-thể, và lập đền lên thờ. Đền ấy hiện nay ở làng Chi-phong, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình. Trong đền còn có mớ tóc của Bạch-y-nương thờ trong hòm sắc, để muôn đời còn kỷ-niệm mãi một bậc kỳ nữ tài-hoa tiết-liệt! Tục gọi là « *Đền Trinh-Tiết* » hay đền « *Bà Quận-Mỹ* ».

HẾT

CHU-THIÊN

Một sự chiếm-đoạt gian-man, một cuộc phục-thù sâu-sắc, một lời nói giết mấy mạng người... và cũng một lời nói cứu hàng trăm nghìn kẻ. Lại còn bao cảnh rùng-rợn bao nỗi éo-le, bao tình hợp, ly, ly, hợp... Tất cả đều tả rất ly-kỳ, rất tinh-tế, rất linh-động trong tiểu thuyết dài:

Thoát cung vua Mạc

do bạn CHU-THIÊN viết

Các bạn nhớ đón xem ở một số sau

SÁCH KHẢO - CỨU VỀ PHẬT - HỌC

Trong năm nay, nhà soạn sách Phật - học Đoàn - trung - Còn có xuất-bản được bốn quyển sách rất có giá trị. 1°) **Chuyện Phật đời xưa** kể nhiều đời trước của đức Phật một cách rất thú vị, *giá 1p 00;* 2°) **Du lịch xứ Phật** thuật chuyện mạo-hiểm của một người nước Anh đến xứ Tây-Tạng, *giá 0p.90*; **Pháp-giáo nhà Phật** luận giải những vấn-đề siêu việt như Thánh, Thần, linh-hồn, quả báo với những phương pháp thoát khổ, *giá 1p 10*; 4°) **Na-Tiên Tì kheo kinh** tức là sự luận đạo giữa vua Di-lan-đà với nhà sư Na-Tiên, *giá 0p 80.* Mấy quyển ấy khảo-cứu theo kinh xưa điển cổ gốc chữ Phạn và chữ Ba-lị. Giáo-chánh rất kỹ. Quí ngài gởi mandat mua sách xin phụ thêm mười phần trăm làm cước phí. Cũng gởi lãnh hóa giao ngân. Có ít nhà đại-lý tại Hanoï, Huế, Phnompenh.

Thơ-từ: M. Đoàn-Trung-Còn

143, Rue de Louvain, Saigon

Những nhà lao của Huế thời xưa

Tiếp theo trang 4

Về những chiếc sọ ấy, người ta truyền thuyết lắm truyện mà tôi phân-vân khó tin :

Trong Khám đường có ba cái ghè, hai ghè đựng sọ của hai ông Nguyễn-Nhạc và nguyễn-Huệ, ghè thứ ba đựng sọ hoặc của ông Nguyễn-văn-Lữ, hoặc của ông Nguyễn-quang-Toản.

Ba chiếc ghè ấy đều bị buộc lại với nhau. Cửa phòng luôn khóa chặt. Người ta gọi những chiếc ghè ấy là *Ông Vò* hay *Chúa-Ngụy* »

Mỗi lúc có tù vượt ngục, những người lính canh Khám-đường đều làm lễ cúng trước các *Ông Vò* để xin bắt được lại những anh tù xổ ngục kia. Về phía những tù-nhân cũng vậy, họ xem những *Ông Vò* như các đấng phúc-tinh có thể che-chở họ khỏi bị hành-hạ trong ngục-thất và có thể kiếm cách làm giảm bớt tội của họ nữa. »

Sau lúc kinh-thành Huế thất-thủ, những chiếc ghè ấy không còn nữa, có lẽ các tù-nhân lúc xổ ngục đã đem theo những « Ông Vò » ấy đi để hòng các ông phò-hộ cho chăng ?

Mộng-Thạch

Một bà trái đời : lúc quá lắm điều, lúc quá chín mục !

BÀ NEARY vì bị chồng đánh vô cớ, liền phát đơn kiện chồng, xin ly dị. Tòa cho đòi chồng bà tới thẩm-vấn thì chồng bà khai :

— Vợ tôi hay nói luôn mồm làm tôi điếc tai, nên muốn vợ tôi im hẳn, tôi đã thưởng cho y vài chiếc tát mạnh.

Mấy người làm chứng cũng công nhận rằng đối với bà Neary chỉ có võ lực mới kiến hiệu.

Khi thầy kện bà Neary kể lại cho bà nghe, bà tức lắm, liền trả lời :

— Được tôi sẽ làm cho quan tòa biết rằng họ nói dối !

Từ hôm đó, bà Neary nhất định không nói qua một lời. Chẳng những ở nhà bà, mà cả với các bạn bè tới thăm, cả với thầy kện bênh vực cho bà, ai hỏi gì, bà cũng làm thinh như không nghe tiếng.

Ở tòa, các quan tòa đều hết sức biện-bạch để bà nói và khai tường-tận, nếu không tòa sẽ không cho bà ly-dị. Nhưng bà chỉ lắc đầu và không nói nửa lời. Vì vậy, vụ kiện của bà không sao xử được và tòa phải tuyên-bố hoãn lại 6 tháng sau.

(Police Magazine)

MANH PHAN dịch

9 Octobre có bán số 1

NGÒI BÚT

Tuần báo ra ngày thứ năm

Chủ-nhiệm : F. N. KHUÊ

Cái bệnh giang-hồ của *Nguyễn-Tuân (Trương-Tửu)*. Cảnh cáo bọn ngụy trí thức (*P N Khue*) Bài trừ lãng-mạn (*N B*) Sức khỏe mới (của loại thanh-niên mới) (*P N Khuê*) Giang-hồ khái (*thơ của Đồ-Phồn*). Đã đến lúc phải tế thần bằng rượu vang bít tết (*Tiêu Ông*) Giặc văn-sĩ giặc phê-bình, giặc xuất-bản (*Bút chì đỏ*). Cái điên của bác hàng giò (*truyện của Nguyễn-đình-Lạp*) Cụ Phạm-Quỳnh quở trách ông Đinh-Gia-Trinh... Thơ ngủ nhè của tuần-báo Tân-Mới văn-chương (*T. T*), Nhật-ký (*Vi-huyền-Đắc*)

Mỗi số 5 xu

Thơ-từ xin gửi về ông Nguyễn-xuân-Tái

53, Phố Tiên Tsin — Hanoi

Đặt mua ngay từ giờ *Sách của quốc học thư xã*

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-hoa ngót 100 bộ kinh, Chuyện, Sử, Tử, nhiều tài-liệu, điển-cổ cần-thiết cho sự hiểu biết Quốc-văn và văn-chương Việt-hán, một bộ từ-điển phong-thú chưa từng có trong văn-khố Việt-nam dầy 400 trang, có chua chữ Hán

giá : 2p 80

Giấy bouffant bảo hàng 3p 80 — Giấy bouffant bìa vải chữ vàng 5p 00 (Loại sách quý đẹp này có đánh số và có chữ ký cùng lời đề tặng của tác-giả dành riêng cho các bạn đặt mua trả tiền trước các hiệu sách không bán.

BÁN GẦN HẾT

QUỐC-SỬ ĐÍNH-NGOA *Giá 0p 50*

NGƯỜI LỊCH-THIỆP *Giá 0p 65*

Hai cuốn này được báo-giới trong nước nhiệt liệt hoan-nghênh, nên chỉ còn một số rất ít.

Thư và mandat mua sách gửi cho
M. LÊ-VĂN HÒE
Giám đốc QUỐC HỌC THƯ-XÃ
16 bis rue Tien Tsin — Hanoi